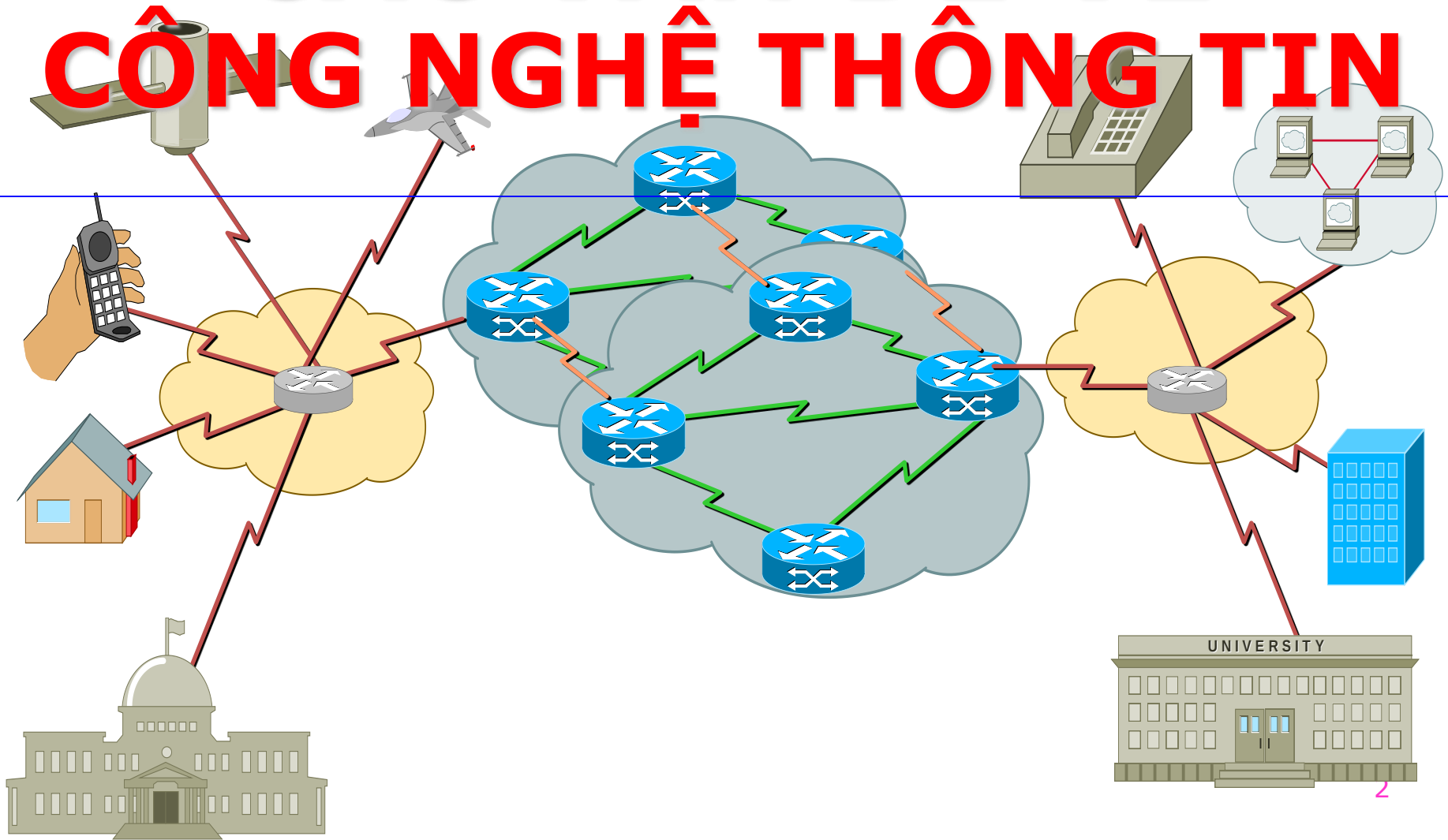


---

# BÀI GIẢNG

# MÔN TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

# CHƯƠNG 1: CÁC VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



# Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

---

## I. BIỂU DIỄN THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

Máy tính dùng hệ đếm nhị phân (Binary) tức là hệ đếm được biểu diễn với hai chữ số 0 và 1.

Ví dụ:                      0 VÀ 1

Chữ A được biểu diễn là 01000001

Dãy số nào dưới đây là biểu diễn thông tin trong máy tính

A. 100102      B. 01010010      C. 1000      D. 110000101

# Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

---

## Các đơn vị đo thông tin:

Đơn vị cơ sở: Bit (0 hoặc 1)

Đơn vị cơ bản: Byte: 1 Byte = 8 Bit

## *Các bội số của Byte:*

Kilobyte: 1 KB =  $2^{10}$ B = 1024 Byte

Megabyte: 1 MB =  $2^{10}$  KB = 1024 KB

Gigabyte: 1GB =  $2^{10}$  MB = 1024 MB

Terabyte: 1TB =  $2^{10}$  GB = 1024 GB

# Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

## II. CẤU TRÚC CƠ BẢN CỦA MÁY TÍNH

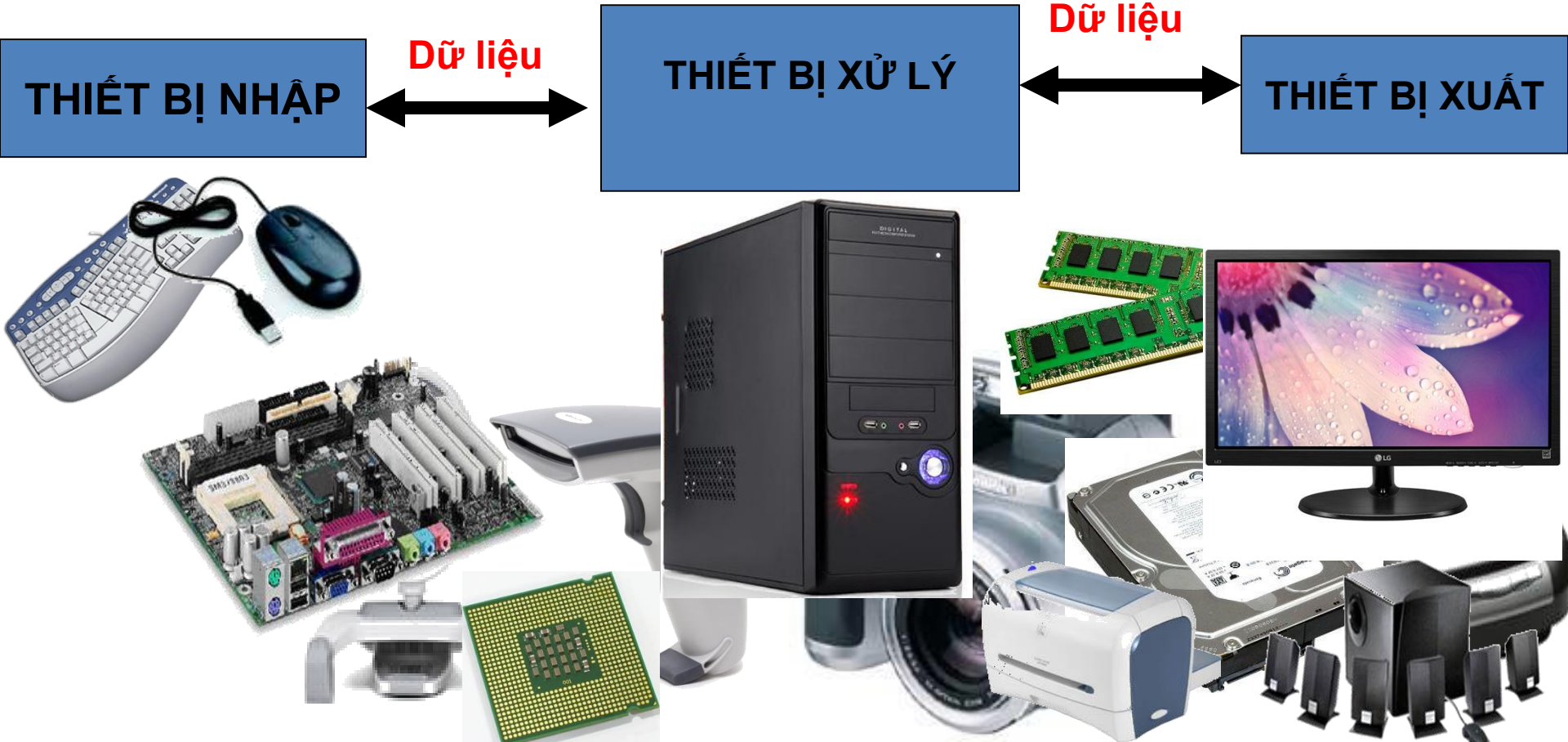
Hệ thống máy tính bao gồm hai thành phần chính:

- 1. Phần cứng:** Bao gồm toàn bộ máy và các thiết bị ngoại vi là các thiết bị điện tử được kết hợp với nhau. Nó thực hiện chức năng xử lý thông tin ở mức thấp nhất tức là các tín hiệu nhị phân.
- 2. Phần mềm:** Là các chương trình (Programs) do người sử dụng tạo ra điều khiển các hoạt động phần cứng của máy tính để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp theo yêu cầu của người sử dụng. Phần mềm của máy tính được phân làm 2 loại: Phần mềm hệ thống (System Software – hệ điều hành windows) và phần mềm ứng dụng (Applications Software).

# Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

## IV. CẤU TẠO CỦA MỘT MÁY TÍNH CÁ NHÂN

Sơ đồ mô tả các bộ phận cơ bản trong một máy tính cá nhân:



# Chương 1 CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ MÁY TÍNH

---

## ***Một số HĐH thông dụng***

- ✓MS DOS: Hệ điều hành đơn nhiệm, làm việc với giao diện dòng lệnh.
- ✓Microsoft Windows: Hệ điều hành đa nhiệm
- ✓Ngoài ra còn có các hệ điều hành: Linux, Unix, OS/2

## ***Các phiên bản của hệ điều hành Windows***

- ✓Windows 3.x, Windows 95, Windows 98, Windows Me.
- ✓Windows 2000, Windows XP, Windows Vista, windows 7, windows 8, windows 10.
- ✓Windows NT, Windows 2000 Server, Windows 2003 Server: dành riêng cho máy chủ - hệ điều hành mạng.



# **CHƯƠNG 2: HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS**

## Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

# I. GIỚI THIỆU VỀ HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

---

## 1. Cơ bản về hệ điều hành

### *a) Cách khởi động*

Windows tự khởi động khi bật máy tính lên.

### *b) Thoát khỏi Windows*

Thoát máy tính theo trình tự: Nhấn Start/Turn off (hoặc Start/Shutdown)

Riêng windows 8: Settings->Power-> shutdown

Restart: Khởi động lại máy tính

Sleep: Chế độ ngủ đông

Logoff: Tắt toàn bộ chương trình đang hoạt động.

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## c) Màn hình Desktop



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS



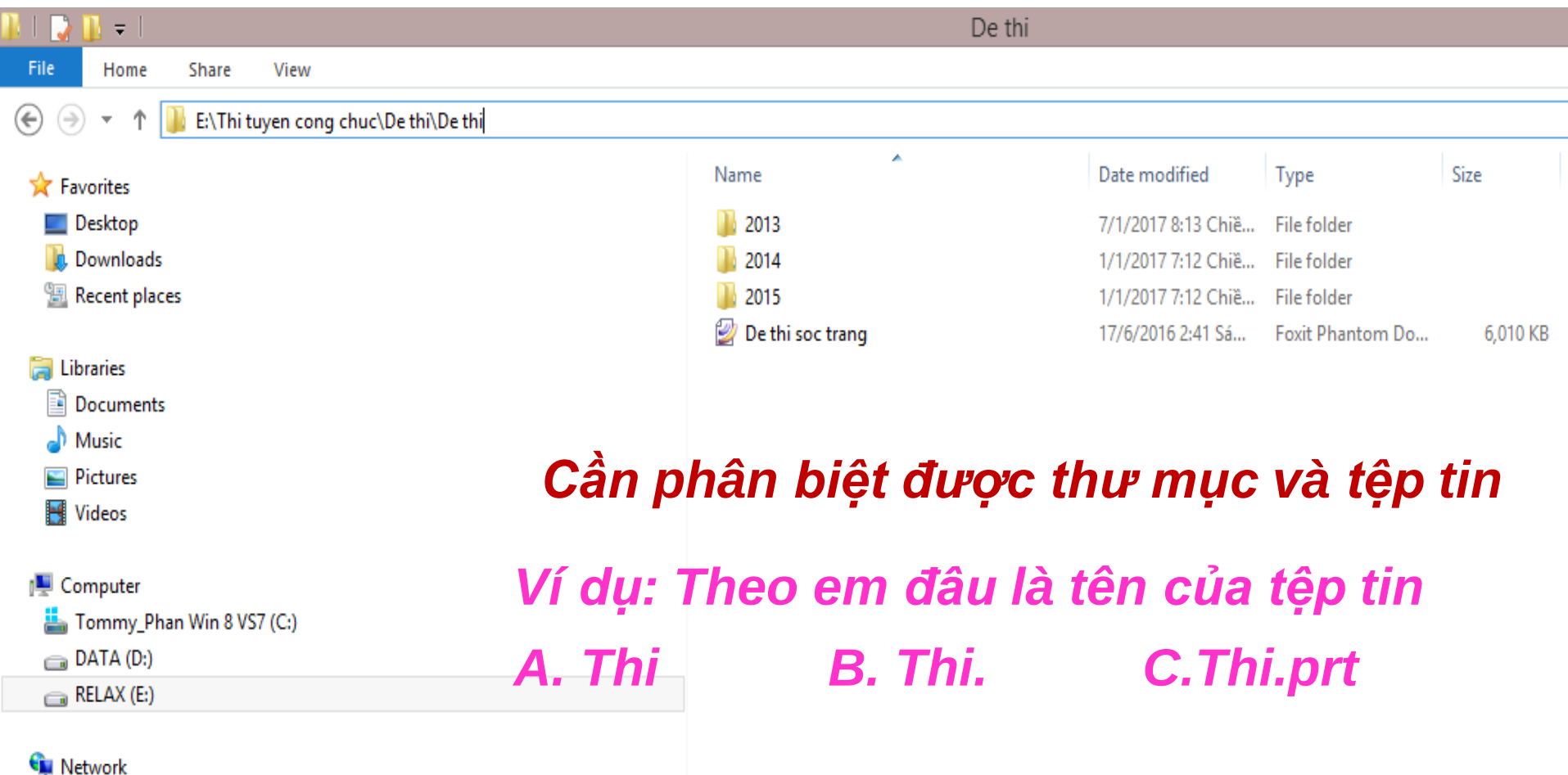
## *Các đối tượng chuẩn trên màn hình Desktop*

- My computer: Cho phép duyệt nhanh tất cả các tài nguyên trên máy tính của bạn (chứa các ổ đĩa để từ đó bạn truy cập vào các tệp dữ liệu)
- My Documents: Lưu trữ tất cả các tệp văn bản.
- My network: Tài nguyên mạng (mạng Lan)
- Recycle Bin: Thùng rác
- Các biểu tượng do NSD tạo ra gọi là các đối tượng không chuẩn, VD như Folder, Shortcut, file

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 2. Cách tổ chức quản lý thông tin của HĐH

a) Tập tin (File).      b) Thư mục (Folder).      c) Đường dẫn (Path)



The screenshot shows a Windows File Explorer window with the address bar set to `E:\Thi tuyen cong chuc\De thi\De thi`. The left sidebar shows the 'Favorites' section with 'Desktop', 'Downloads', and 'Recent places'. The 'Libraries' section shows 'Documents', 'Music', 'Pictures', and 'Videos'. The 'Computer' section shows 'Tommy\_Phan Win 8 VS7 (C:)', 'DATA (D:)', and 'RELAX (E:)' (which is selected). The 'Network' section is also visible.

| Name             | Date modified        | Type                | Size     |
|------------------|----------------------|---------------------|----------|
| 2013             | 7/1/2017 8:13 Chi... | File folder         |          |
| 2014             | 1/1/2017 7:12 Chi... | File folder         |          |
| 2015             | 1/1/2017 7:12 Chi... | File folder         |          |
| De thi soc trang | 17/6/2016 2:41 Sả... | Foxit Phantom Do... | 6,010 KB |

**Cần phân biệt được thư mục và tập tin**

**Ví dụ: Theo em đâu là tên của tập tin**

**A. Thi                      B. Thi.                      C.Thi.prt**

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

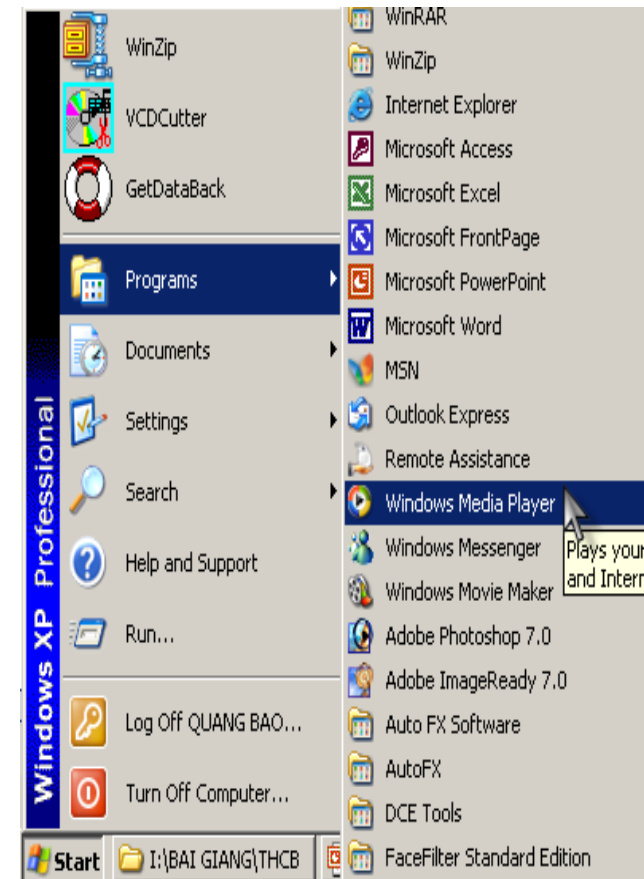
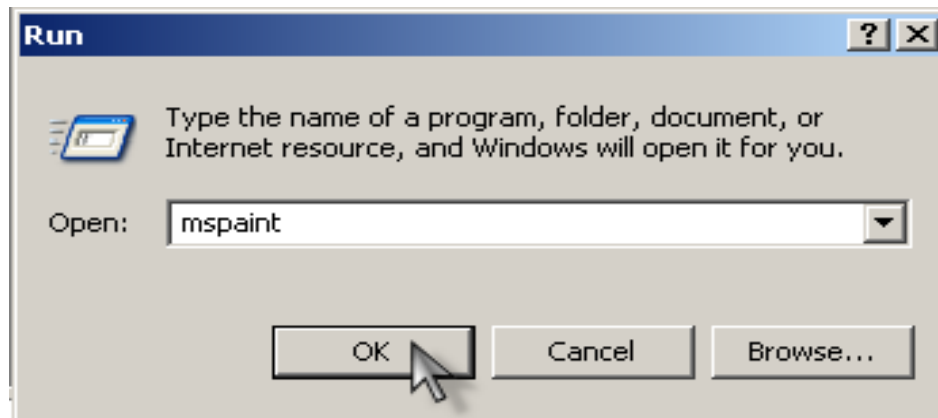
---

## **II. THAO TÁC VỚI CỬA SỔ**

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 1. Mở chương trình ứng dụng

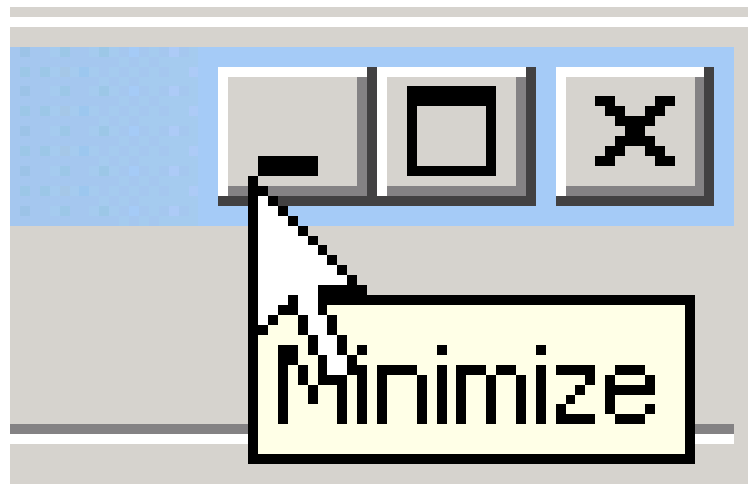
- **Trên màn hình Desktop:** Nhấn đúp vào các biểu tượng (hoặc chuột phải -> open).
- **Trên Start Menu:** Vào menu Programs. Kích chuột vào ứng dụng.
- **Cửa sổ Run:** Nhập tên của ứng dụng cần chạy. Nhấn OK. Ví dụ: winword, Excel, notepad, calc, mspaint.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 2. Tương tác trên cửa sổ ứng dụng

- Thu nhỏ: Nhấn nút \_ (Minimize) trên thanh tiêu đề của cửa sổ. Hoặc ấn Windows + D: thu nhỏ tất cả các cửa sổ.
- Phóng to: Nhấn nút Maximize trên thanh tiêu đề.
- Đóng cửa sổ: Nhấn nút Close (X) trên thanh tiêu đề hoặc Nhấn tổ hợp phím Alt + F4.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

---

## **3. Sử dụng phím tắt trong hệ điều hành**

## Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

---

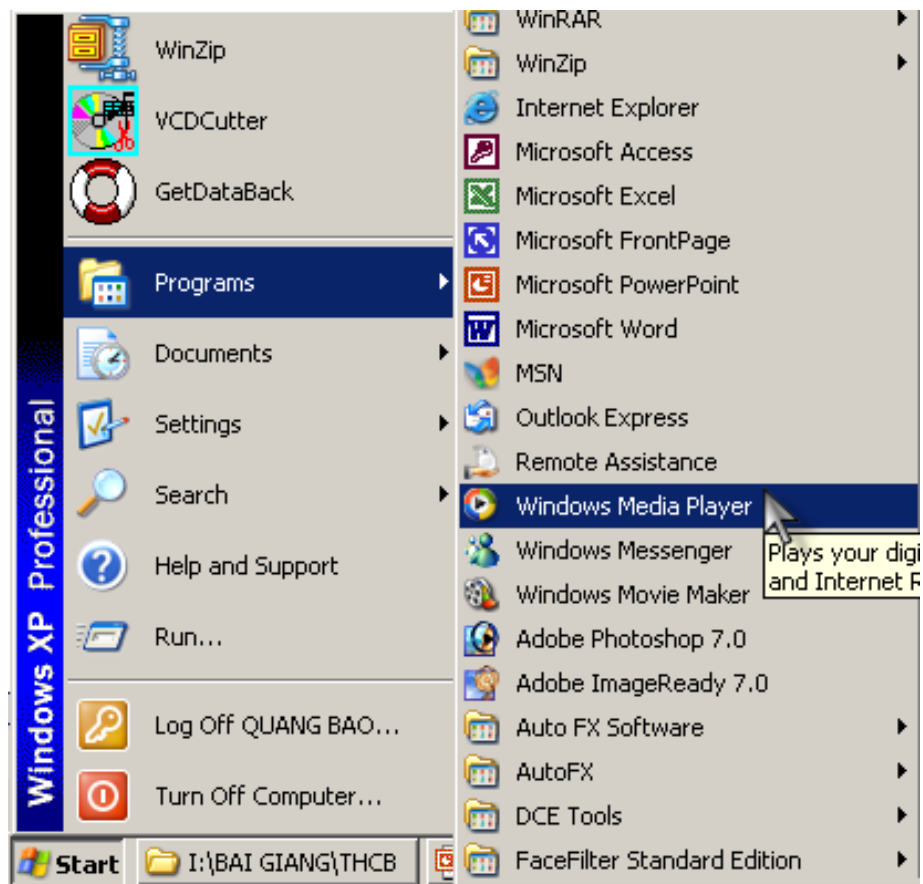
# **III. LÀM VIỆC VỚI MÀN HÌNH NỀN DESKTOP**

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 1. Sử dụng Start Menu

### a) Thao tác với Start Menu:

- Nhấn phím Windows, hoặc kích chuột vào nút Start để kích hoạt.
- Di chuyển chuột (hoặc phím mũi tên) để chọn.
- Kích chuột (hoặc nhấn Enter) để thực hiện lệnh.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS



## 2. Thanh Taskbar

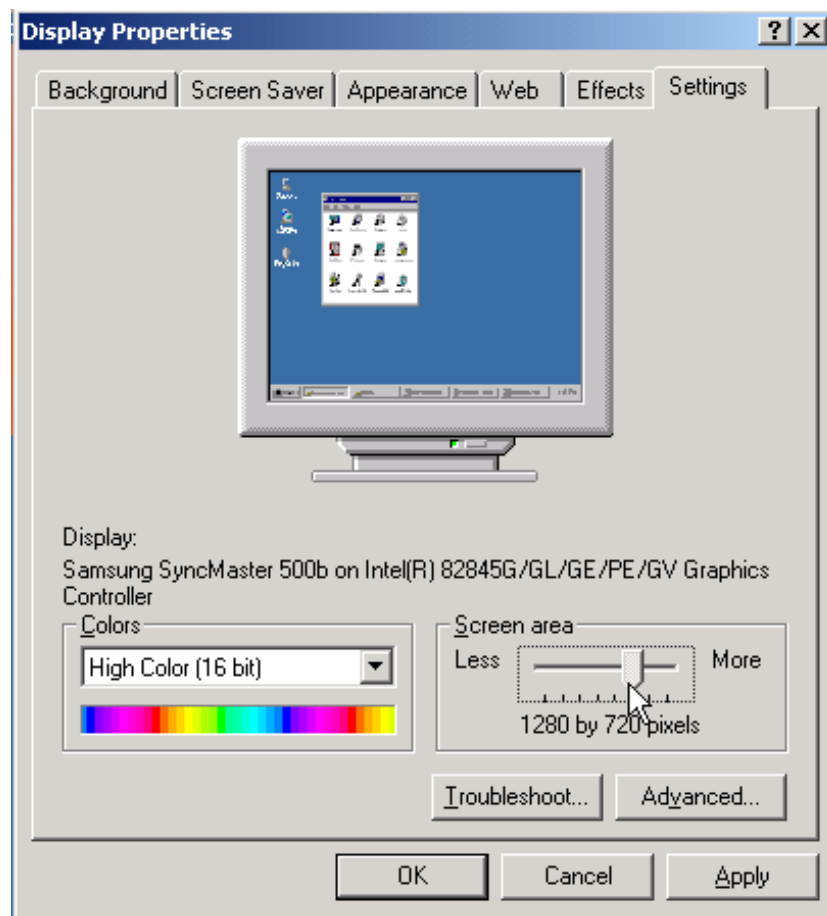
- ✗ Taskbar dùng để quản lý các cửa sổ (ứng dụng) đang hoạt động trên máy.
- ✗ Taskbar có thể nằm ở 4 biên của màn hình Desktop.
- ✗ Kích thước của Taskbar có thể thay đổi bởi người sử dụng.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 3. Thiết lập độ phân giải

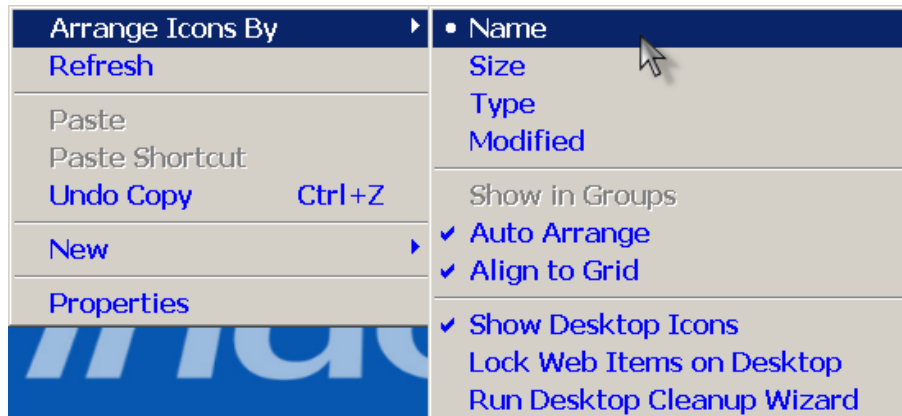
- ✗ Trong **Display Properties**.  
Chọn thẻ **Settings**.
- ✗ Chọn số lượng màu trong mục Colors. Mặc định là **High color 24bit**.
- ✗ Chọn độ phân giải trong mục **Screen Area**. Chuẩn là 800 X 600.
- ✗ Chọn độ phân giải lớn thì chữ hiển thị sẽ nhỏ và ngược lại.
- ✗ **Lưu ý: Từ win7 trở lên**



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 4. Sắp xếp các biểu tượng trên Desktop

- ☐ Kích phải tại vị trí trống trên Desktop.
- ☐ Chọn Arrange Icons.
  - Auto Range: Sắp xếp tự động.
  - By Name: Sắp theo tên.
  - By Type: Theo kiểu tập tin, thư mục.
  - By Size: Theo dung lượng của biểu tượng.
  - By Date: Sắp theo ngày tạo lập.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

---

## **7. Ẩn hiện các biểu tượng trên Desktop**

## Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

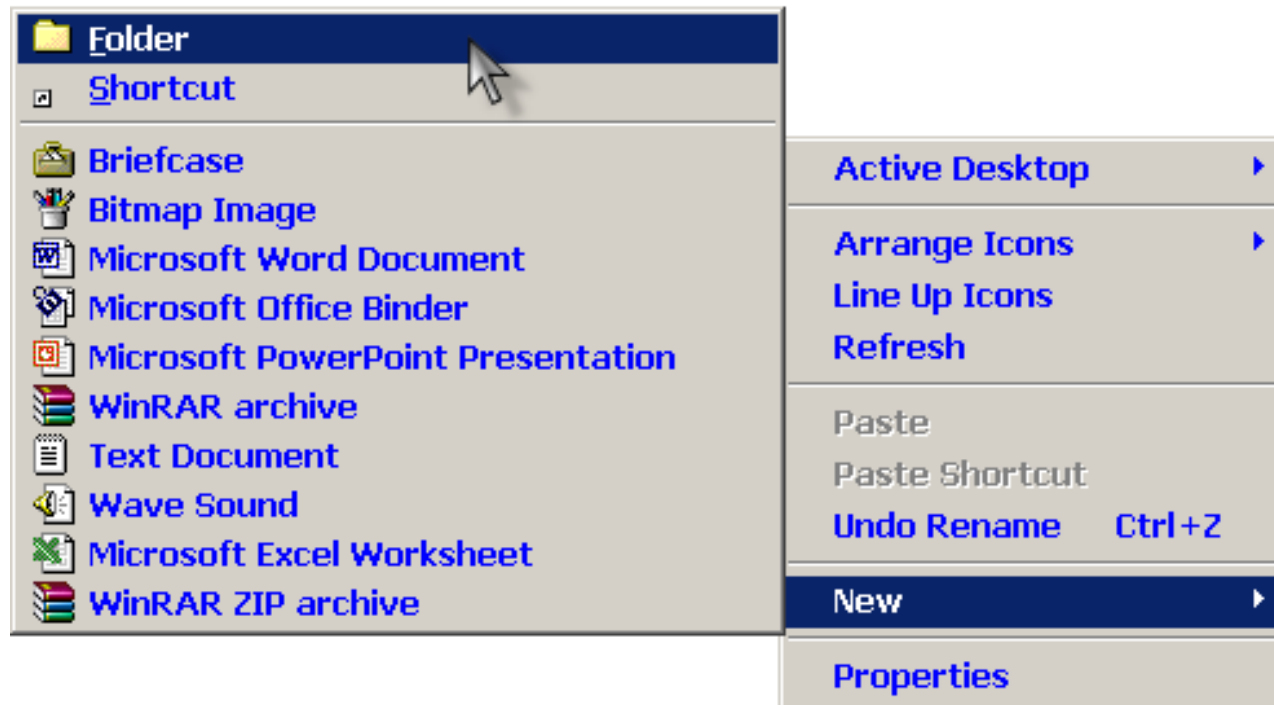
# III. QUẢN LÝ TỆP TIN VÀ THƯ MỤC VỚI MY COMPUTER

(Mở My computer)  
Hoặc Windows+E  
Window Explorer

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## a) *Tạo mới 1 thư mục (folder)*

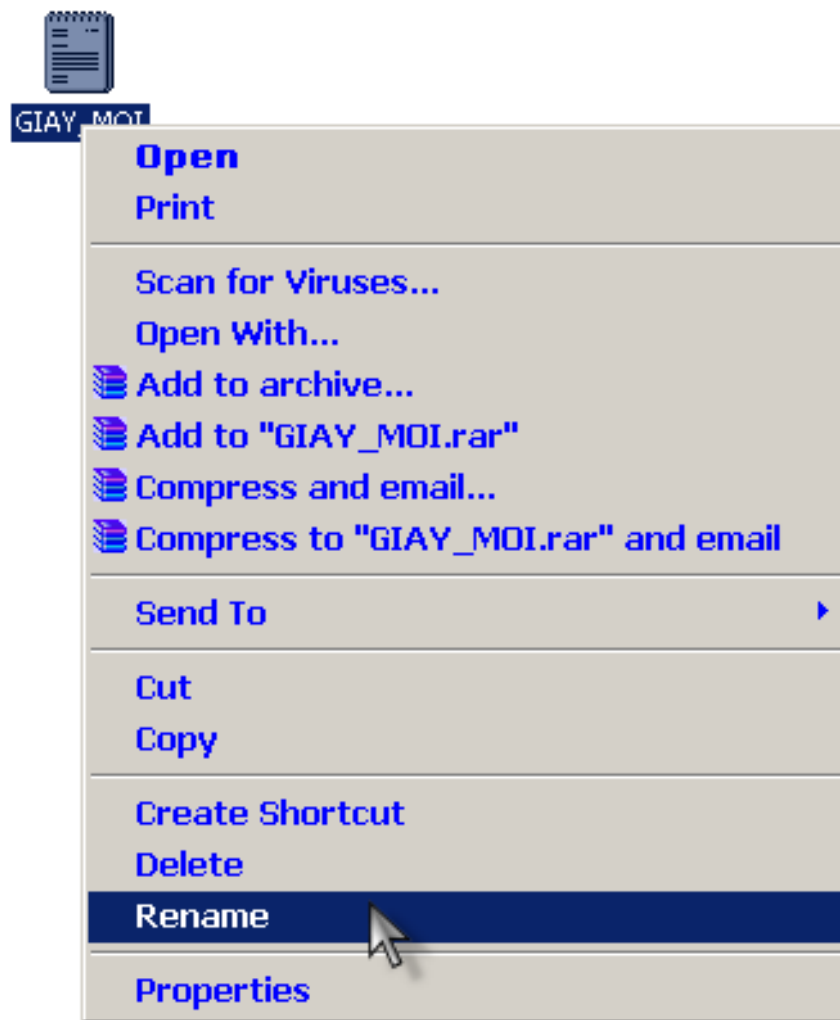
- ☐ Chọn nơi đặt thư mục.
- ☐ Kích phải chuột tại vị trí trống.
- ☐ Chọn New – Folder.
- ☐ Nhập tên cho thư mục vừa tạo.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## *b) Đổi tên thư mục và tệp tin (Rename)*

- ❑ **Cách 1:** Kích phải chuột trên đối tượng cần đổi tên. Chọn Rename. Nhập tên mới.
- ❑ **Cách 2:** Kích chọn đối tượng. Nhấn phím F2. Nhập tên mới.

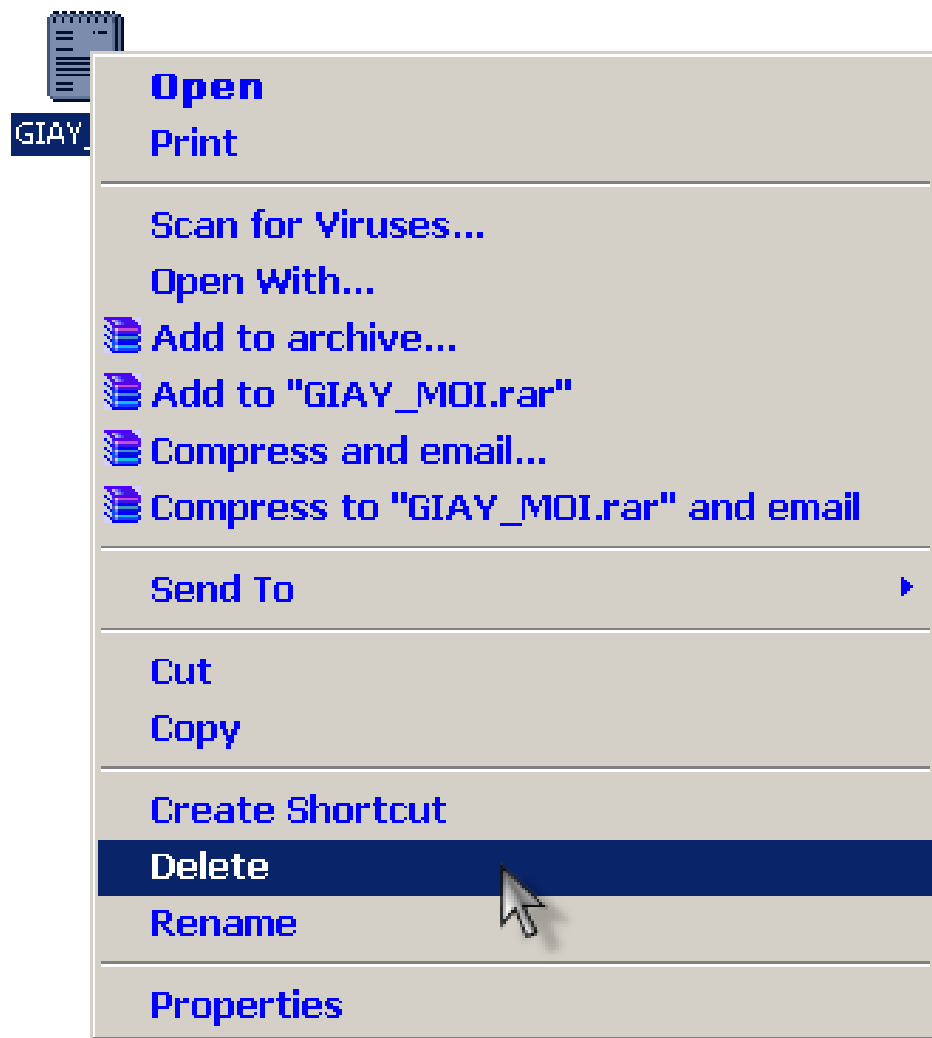


# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## c) Xóa (Delete)

- ❑ **Cách 1:** Kích phải chuột trên đối tượng cần xóa. Chọn Delete. Nhấn Yes.
- ❑ **Cách 2:** Kích chuột chọn đối tượng cần xóa. Nhấn phím Delete. Nhấn Yes.

 **Lưu ý:** Để xóa hẳn đối tượng mà không cho vào thùng rác thì nhấn giữ phím **Shift** khi xóa (Ấn Shift + Delete)



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## *d) Sao chép (Copy) và di chuyển (Move)*

### ☐ Sao chép (Copy):

- Kích phải chuột trên đối tượng cần sao chép. Chọn **Copy** – tức sao chép. (hoặc nhấn **Ctrl + C**, hoặc chọn biểu tượng copy trên thanh công cụ).
- Truy cập vào thư mục - nơi cần copy đến. Kích phải chọn **Paste** – tức dán. (hoặc nhấn **Ctrl + V**, hoặc chọn biểu tượng paste trên thanh công cụ)

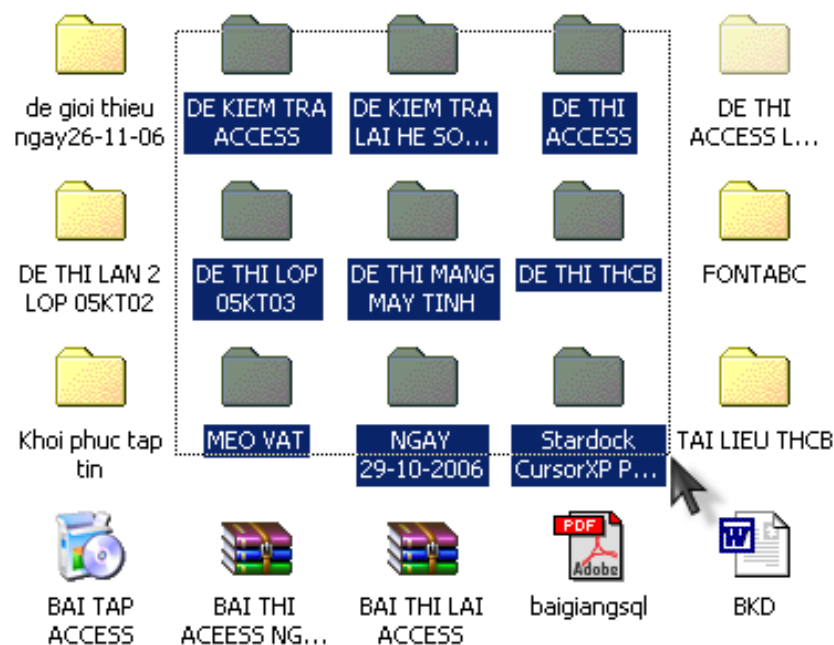
### ☐ Di chuyển (Move):

- Kích phải chuột trên đối tượng cần di chuyển. Chọn **Cut** – tức cắt (hoặc **Ctrl + X**).
- Truy cập vào thư mục - nơi cần copy đến. Kích phải chọn **Paste** – tức dán. (Hoặc **Ctrl + V**)

# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## *e) Chọn nhiều đối tượng*

- ☐ Chọn nhiều đối tượng gần nhau: Nhấn giữ Shift + phím mũi tên (Hoặc Kích giữ chuột bao quanh vùng hiển thị các đối tượng cần chọn).
- ☐ Chọn nhiều đối tượng rời rạc: Giữ Ctrl + kích chuột chọn từng đối tượng cần chọn.
- ☐ Ctrl + A: Chọn tất cả các đối tượng.



## Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS



### **IV. SỬ DỤNG THÙNG RÁC – RECYCLE BIN**

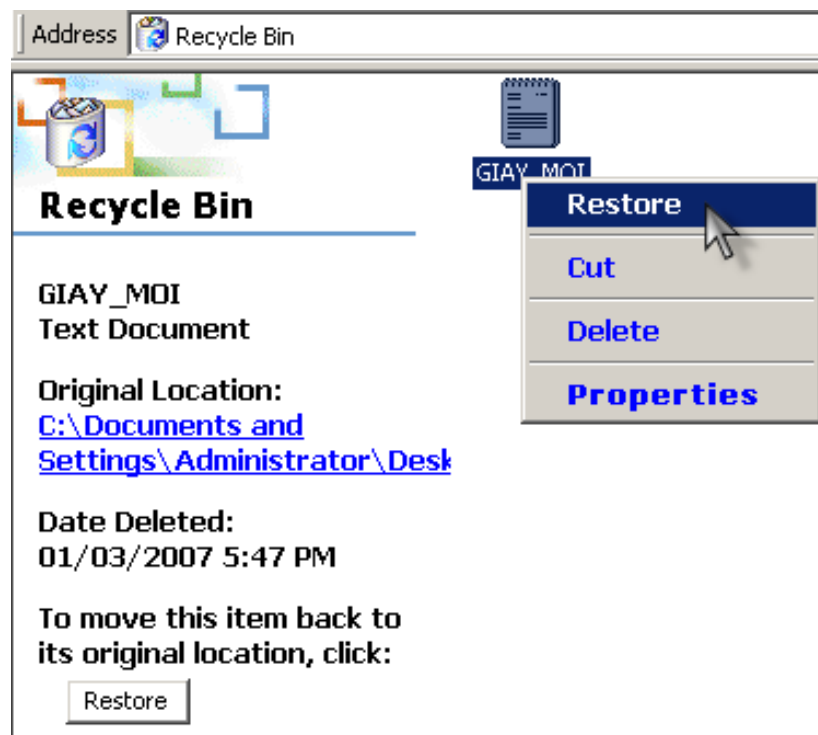
# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 1. Khái niệm: Recycle Bin

(thùng tái chế) dùng để chứa các tập tin thư mục bị xóa.

## 2. Khôi phục các tập tin, thư mục bị xóa:

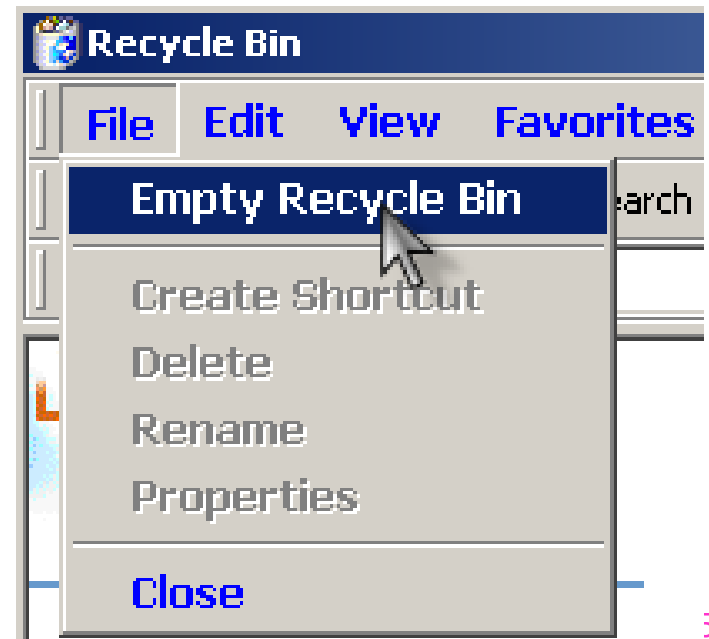
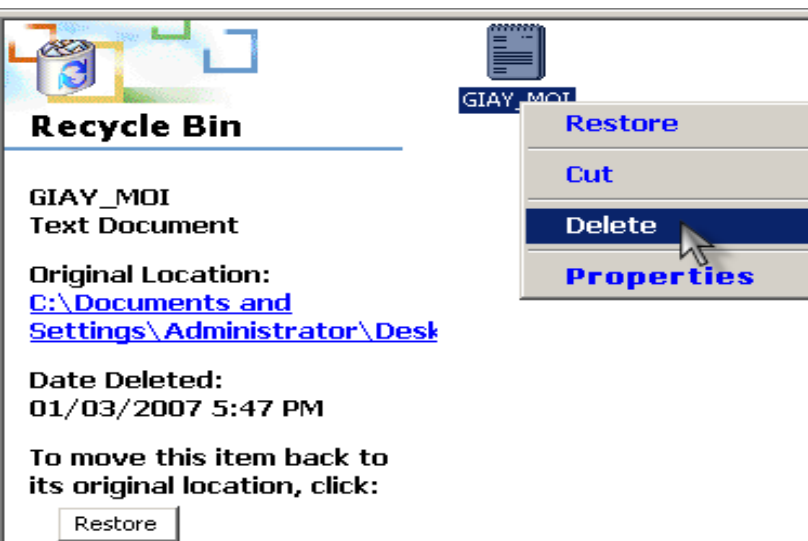
- Nhấn đúp vào biểu tượng Recycle Bin trên màn hình nền **Desktop**.
- Kích phải chuột trên đối tượng cần khôi phục.
- Chọn **Restore**.



# Chương 2 HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

## 3. Đổ rác

- Để xóa một tập tin, thư mục khỏi thùng rác. Kích phải chuột chọn Delete. Nhấn Yes.
- Để xóa tất cả trong thùng rác. Vào File, chọn Empty Recycle Bin.



# **PHẦN II**

## **CONTROL PANEL**

# Mục tiêu bài học

- Khởi động Control Panel
- Thay đổi các chế độ xem (View)
- Thay đổi hiển thị của màn hình nền (Desktop)
- Thay đổi ngày giờ
- Thay thay đổi các chế độ xem hoặc nhập liệu với các ngôn ngữ khác
- Tìm kiếm các thiết lập cho các tùy chọn khả năng truy cập
- Cài đặt các tùy chọn khác nhau về nguồn điện

# Sử dụng Control Panel

- Để truy cập Control Panel:
  - Nhấp chuột vào Start, Control Panel; hoặc
  - Trong Windows Explorer, Nhấp chuột vào Computer ở Ô định vị (Navigation Pane), sau đó Nhấp chuột vào trên thanh lệnh.

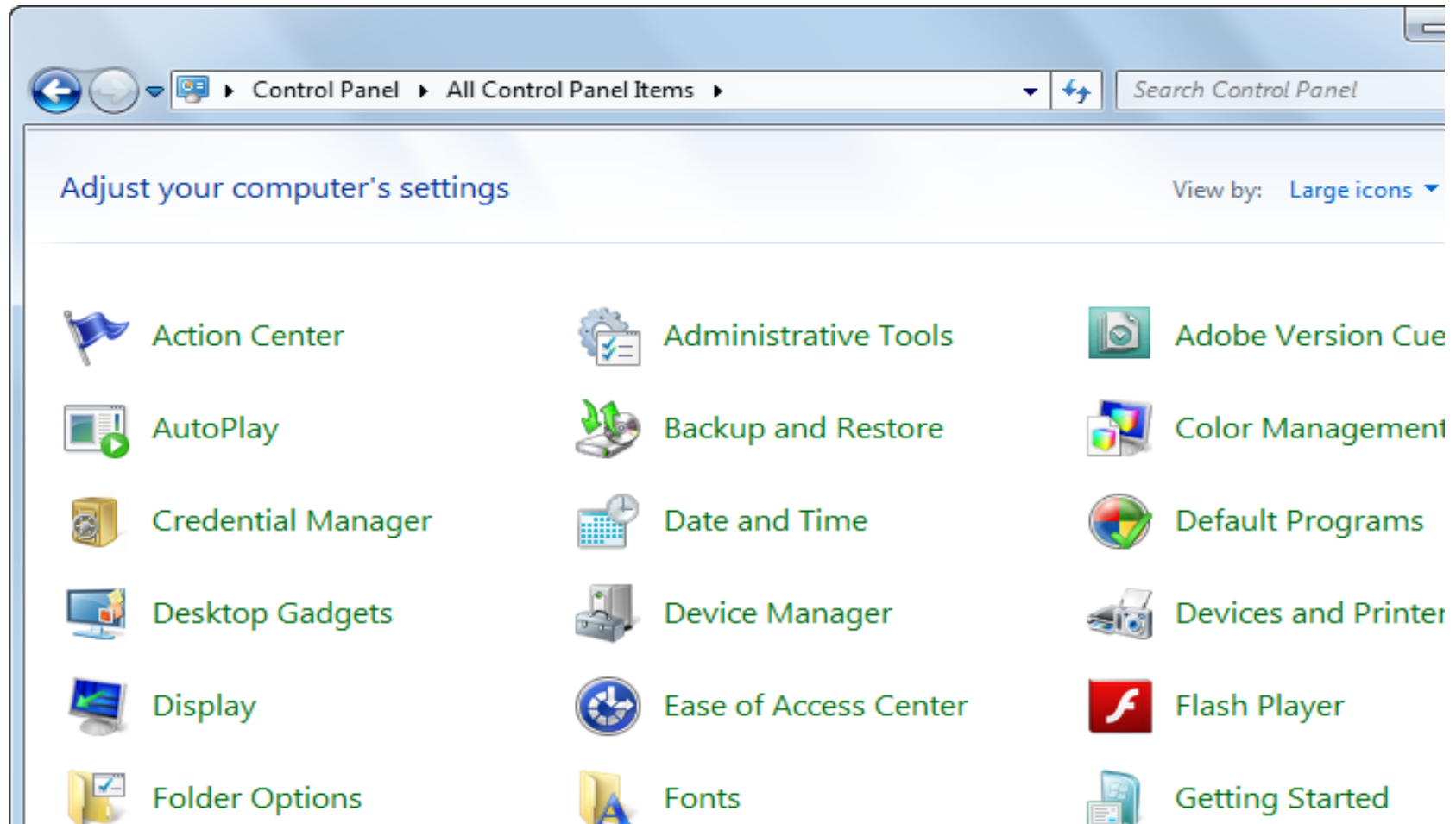


# Sử dụng Control Panel

|                                       |                                                                                                                                                   |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>System and Security</b>            | Cung cấp các lựa chọn để duy trì tính toàn vẹn hệ thống và thực hiện sao lưu dữ liệu, kiểm tra các cập nhật chống vi rút và quét các phần tải về. |
| <b>Network and Internet</b>           | Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách kết nối máy tính của bạn vào mạng hay vào Internet, và chia sẻ các tập tin với người khác.               |
| <b>Hardware and Sound</b>             | Cho phép bạn cài đặt hay điều chỉnh cách hoạt động của các phần cứng như các thiết bị âm thanh.                                                   |
| <b>Programs</b>                       | Cho phép tiếp cận các nhiệm vụ quản lý hệ thống ví dụ như cài đặt và gỡ bỏ các chương trình.                                                      |
| <b>User Accounts</b>                  | Cung cấp các lựa chọn để thiết lập máy tính cho phép nhiều người cùng sử dụng.                                                                    |
| <b>Appearance and Personalization</b> | Cho phép bạn tùy chỉnh màn hình với chế độ bảo vệ màn hình, nền màn hình, ...                                                                     |
| <b>Clock, Language, and Region</b>    | Cho phép truy cập để bạn có thể thay đổi định dạng của ngày tháng, thời gian, tiền tệ hay các con số theo chuẩn khu vực hay các ngôn ngữ.         |
| <b>Ease of Access</b>                 | Cung cấp các lựa chọn để thay đổi các đặc điểm về khả năng truy cập, như bật chế độ nhận diện giọng nói hay thay đổi hình ảnh hiển thị.           |

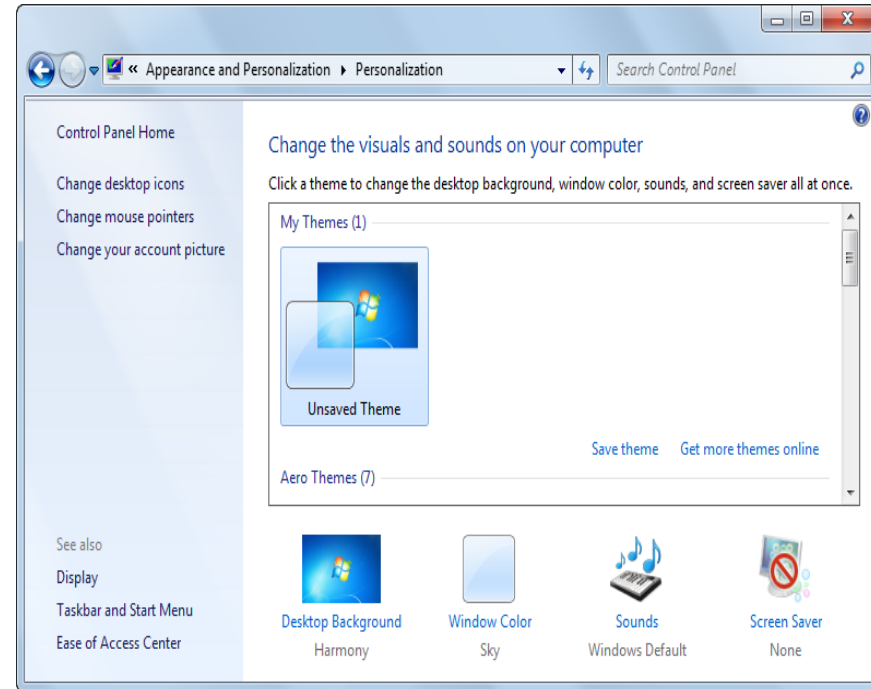
# Sử dụng Control Panel

- Chuyển màn hình sang chế độ Large icons hay Small icons:



# Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Để thay đổi hiển thị:
  - Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Appearance and Personalization, Personalization hoặc
  - Nhấp chuột phải vào khoảng trống trên màn hình, chọn Personalize, và sau đó Nhấp chuột vào lựa chọn hiển thị cần thay đổi, hoặc
  - Nếu ở một trong các cách quan sát biểu tượng, Nhấp chuột vào Personalization trong cửa sổ Control Panel



# Tùy biến hiển thị màn hình nền

## **My Themes**

Các chủ đề bạn đã tùy biến, đã lưu hoặc tải về. Khi bạn tạo các thay đổi cho một chủ đề, các cài đặt mới xuất hiện trong phần này như là một chủ đề chưa được lưu (unsaved theme).

## **Aero Themes**

Các chủ đề bao gồm các hiệu ứng Aero glass và nhiều chủ đề bao gồm một bản trình chiếu màn hình nền.

## **Installed Themes**

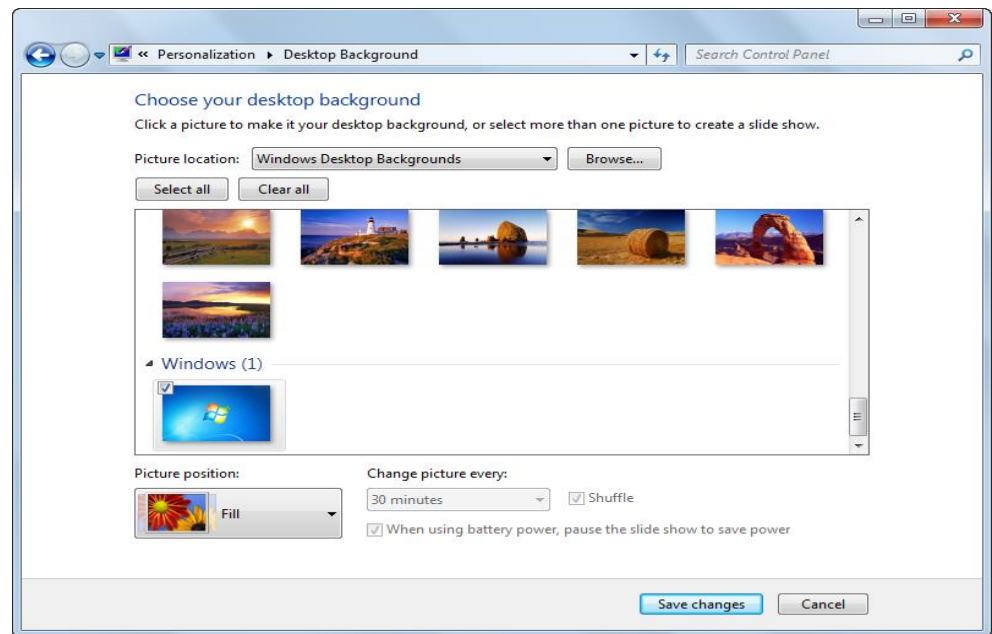
Các chủ đề được tạo bởi các nhà sản xuất máy tính hoặc các nhà cung cấp ngoài Microsoft. Không phải tất cả các hệ thống đều có các chủ đề được cài đặt này

## **Basic and High Contrast Themes**

Các chủ đề được thiết kế để cải thiện hiệu suất của máy tính hoặc làm cho các đối tượng dễ nhìn thấy hơn. Các chủ đề này không bao gồm các hiệu ứng Aero glass và do đó nó không hỗ trợ tất cả các tính năng của Aero.

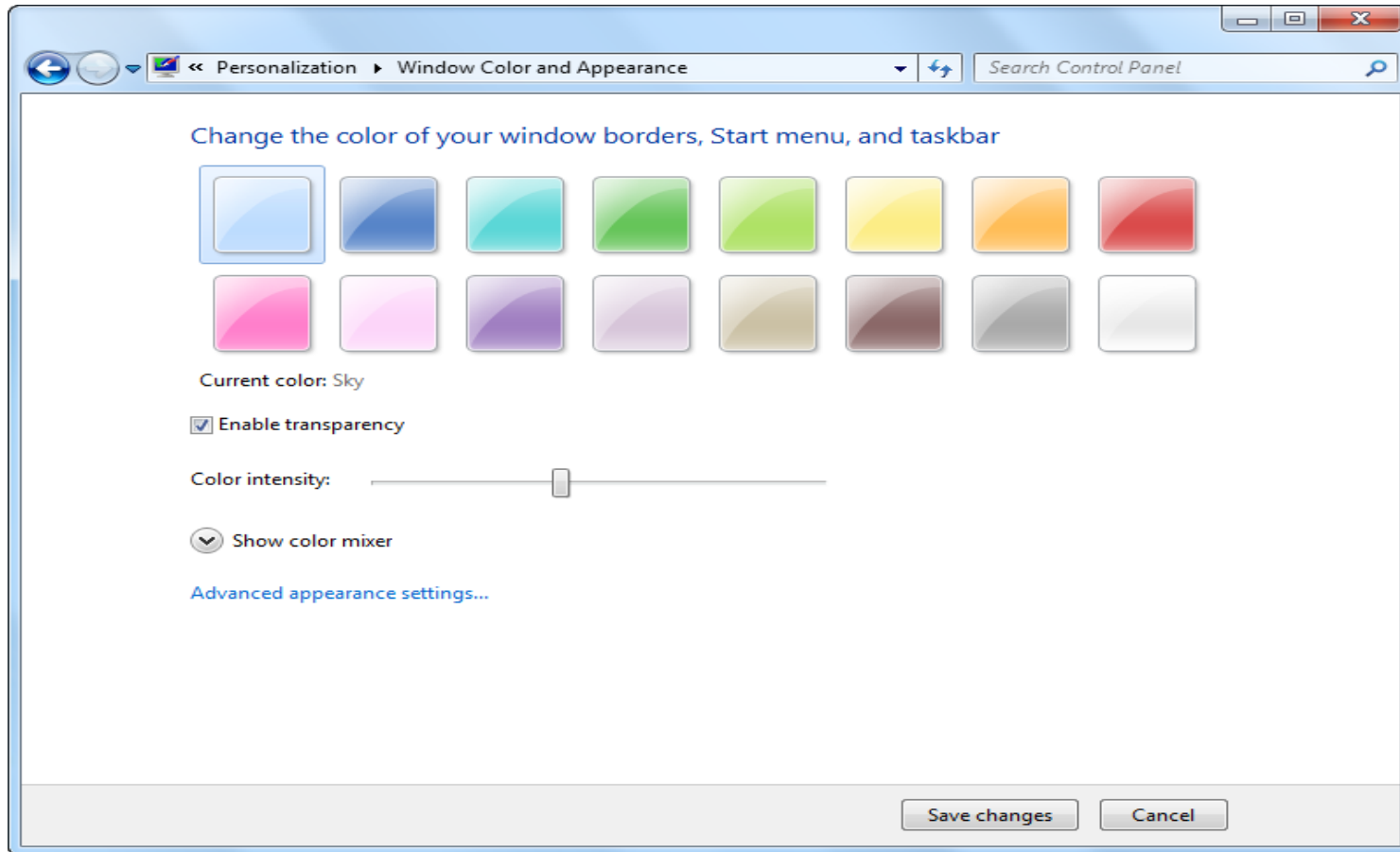
# Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Để tùy biến màn hình nền :
  - Sử dụng tùy chọn Desktop Background để áp dụng một chủ đề hoặc tùy biến cách các chủ đề hiển thị trong danh sách lựa chọn, hoặc



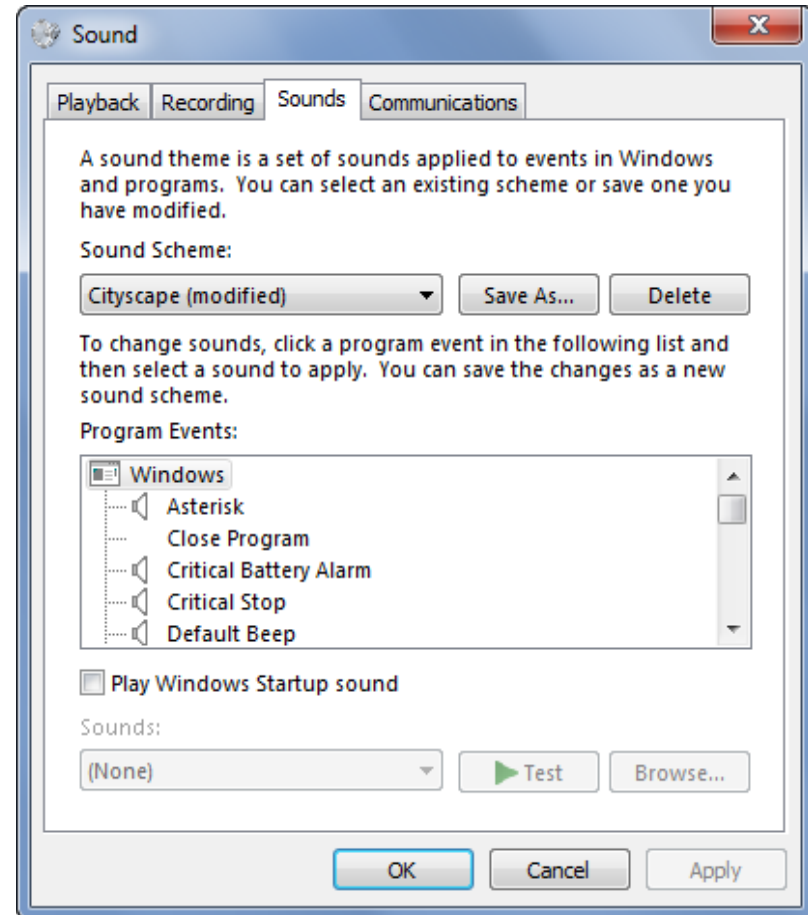
# Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Sử dụng tùy chọn Window Color để chọn một màu cụ thể cho đường viền cửa sổ, trình đơn Start hoặc thanh tác vụ.



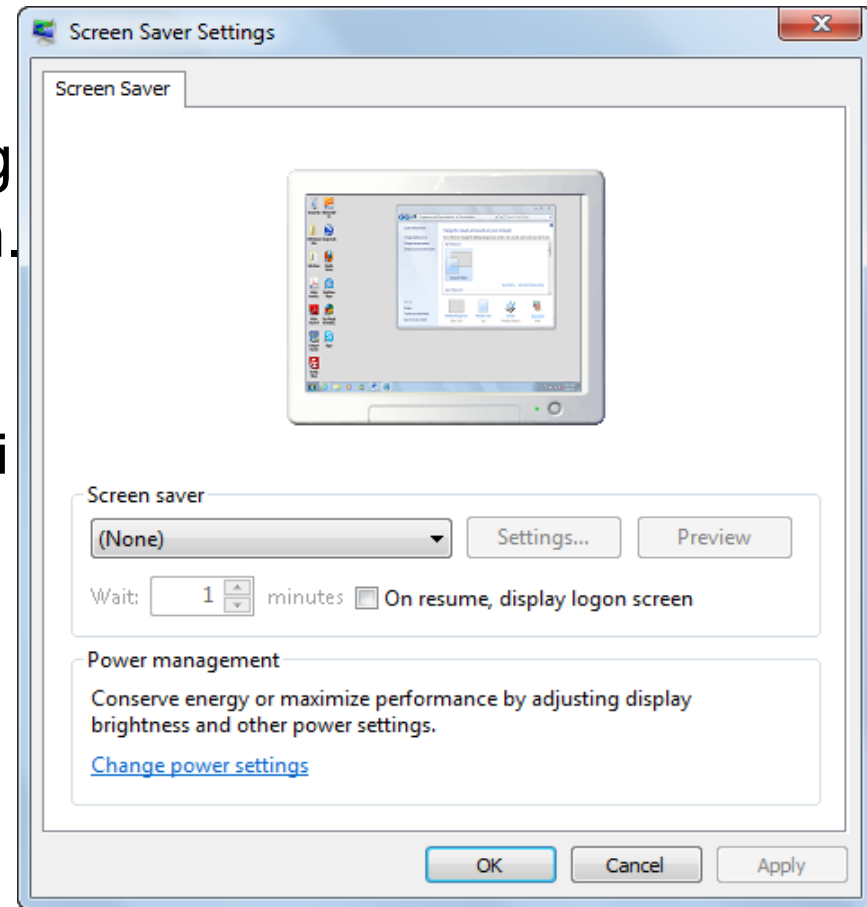
# Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Sử dụng tùy chọn Sounds để áp dụng một nguyên tắc phối hợp âm thanh cụ thể cho chủ đề. Nguyên tắc phối hợp âm thanh xác định các âm thanh nào phát khi các sự kiện cụ thể của Windows xảy ra



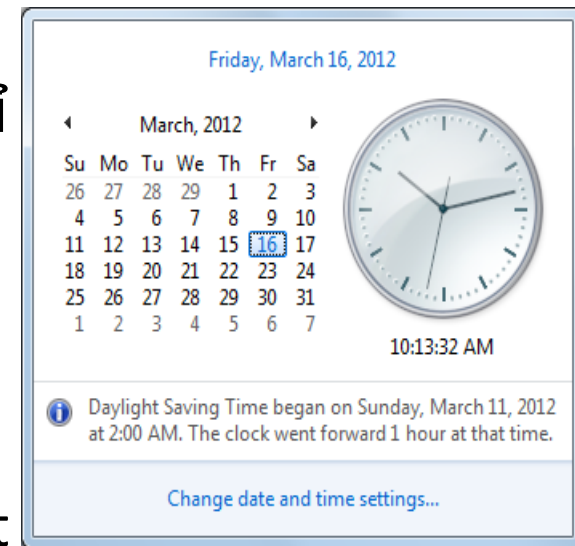
# Tùy biến hiển thị màn hình nền

- Sử dụng tùy chọn Screen Saver để chọn hoặc áp dụng một chế độ bảo vệ màn hình.
  - Nếu chế độ bảo vệ màn hình bao gồm các tùy chọn có thể cấu hình, bạn cũng có thể cài đặt chúng.



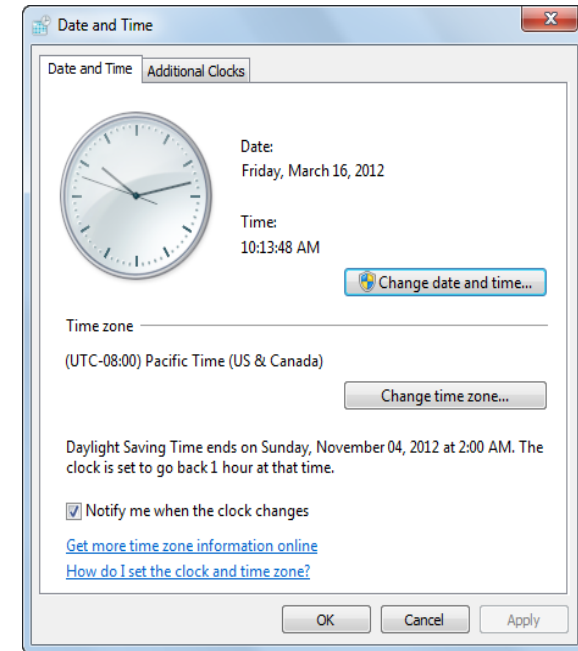
# Thay đổi ngày giờ (Date and Time)

- Thời gian hiện thời hiển thị ở vùng thông báo
- Hệ điều hành sử dụng ngày tháng và thời gian để xác định thời gian tập tin được tạo hay chỉnh sửa
  - Nếu máy tính được nối mạng, thời gian có thể được xác định bởi máy chủ và chỉ quản trị mạng có thể thay đổi
  - Nếu bạn kết nối vào internet, nó cũng sẽ đồng bộ hóa đồng hồ của nó với thời gian ở máy chủ trên internet
- Để xem ngày tháng và giờ hiện thời, nhấp chuột vào thời gian trong vùng thông báo



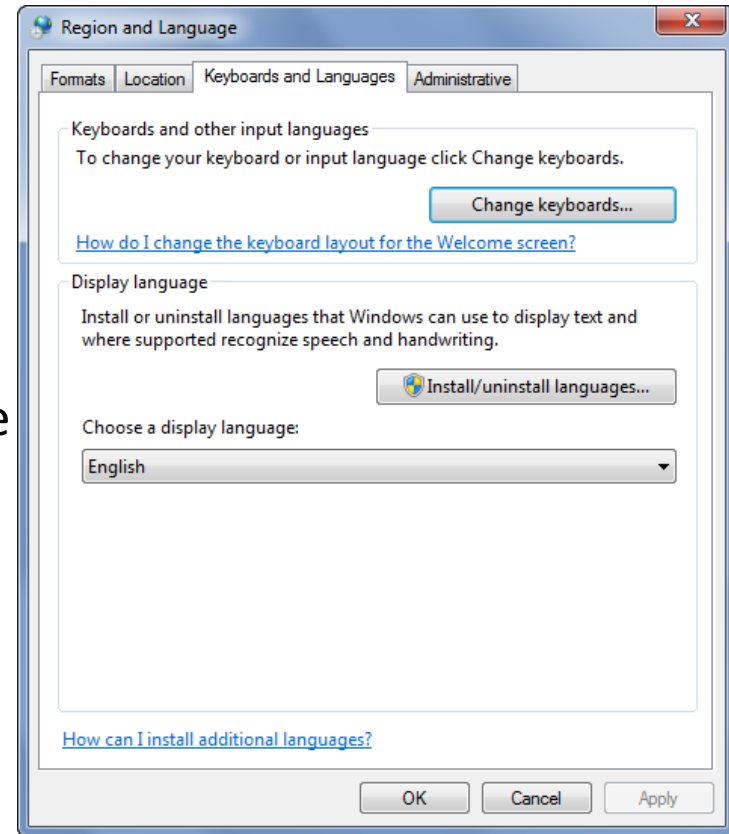
# Thay đổi ngày giờ (Date and Time)

- Để thay đổi ngày giờ:
  - Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Clock, Language, and Region, và sau đó Nhấp chuột vào Date and Time hay Set the time and date, hoặc
  - Nhấp chuột vào Start, Control Panel, Clock, Language, and Region, và sau đó Nhấp chuột vào Date and Time hay Set the time and date, hoặc
  - Nhấp chuột vào thời gian trong vùng thông báo và sau đó Nhấp chuột vào Change date and time settings



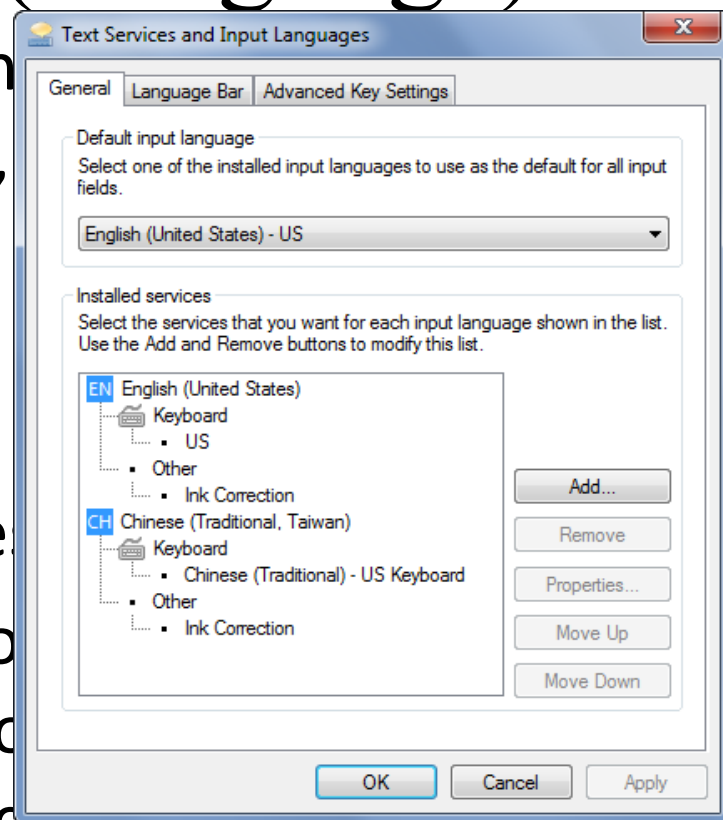
# Thay đổi ngôn ngữ (Language)

- Ngôn ngữ đã được cài sẵn dựa trên vùng lãnh thổ nơi máy tính được mua
- Có thể cài đặt hoặc gỡ bỏ các ngôn ngữ khác và thay đổi hiển thị hoặc tùy chọn nhập đầu vào (input)
  - Chọn Start, Control Panel và chọn Clock, Language, and Region. Sau đó chọn Change keyboards or other input methods



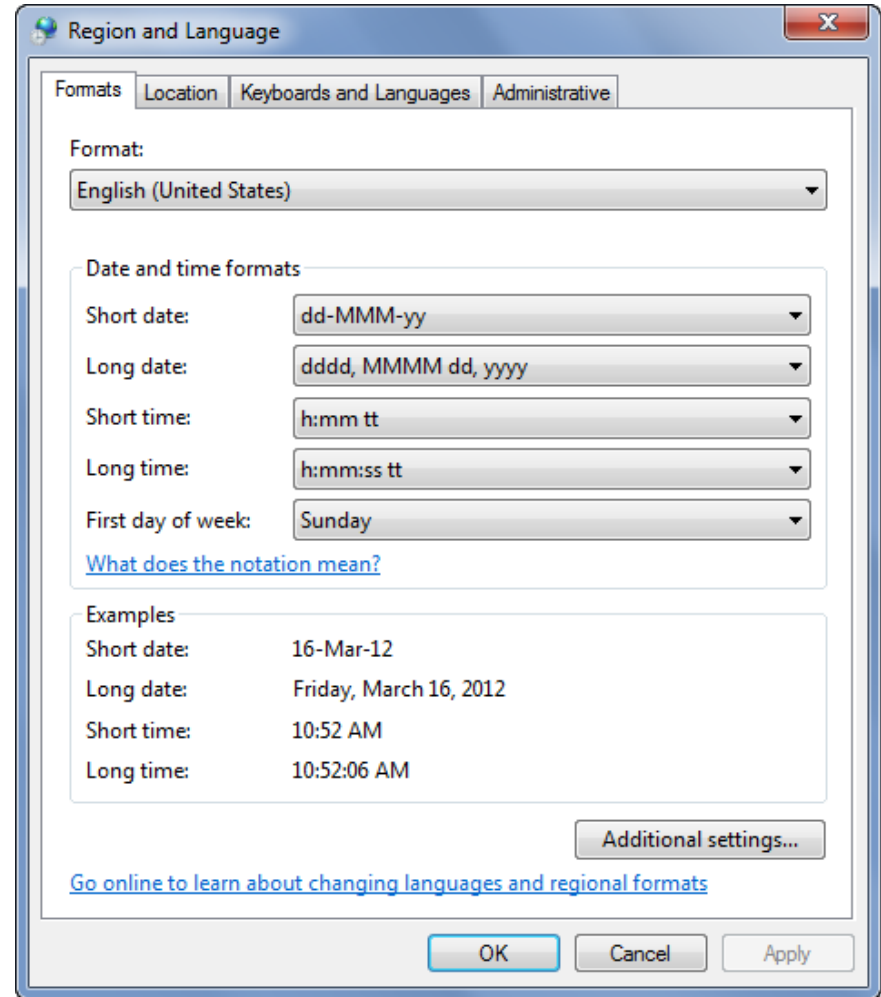
# Thay đổi ngôn ngữ (Language)

- Để thay đổi hiển thị các thành phần trên màn hình sang ngôn ngữ khác, chọn mũi tên của Choose a display language và nhấp chọn ngôn ngữ thích hợp
- Chọn nút Install/uninstall language
  - Chỉ hiển thị chỉ nếu một gói giao diện ngôn ngữ (LIP) hoặc gói giao diện đa ngôn ngữ (MUI) đã được cài đặt
- Nhập vào các ký tự của ngôn ngữ khác, chọn Change keyboards.



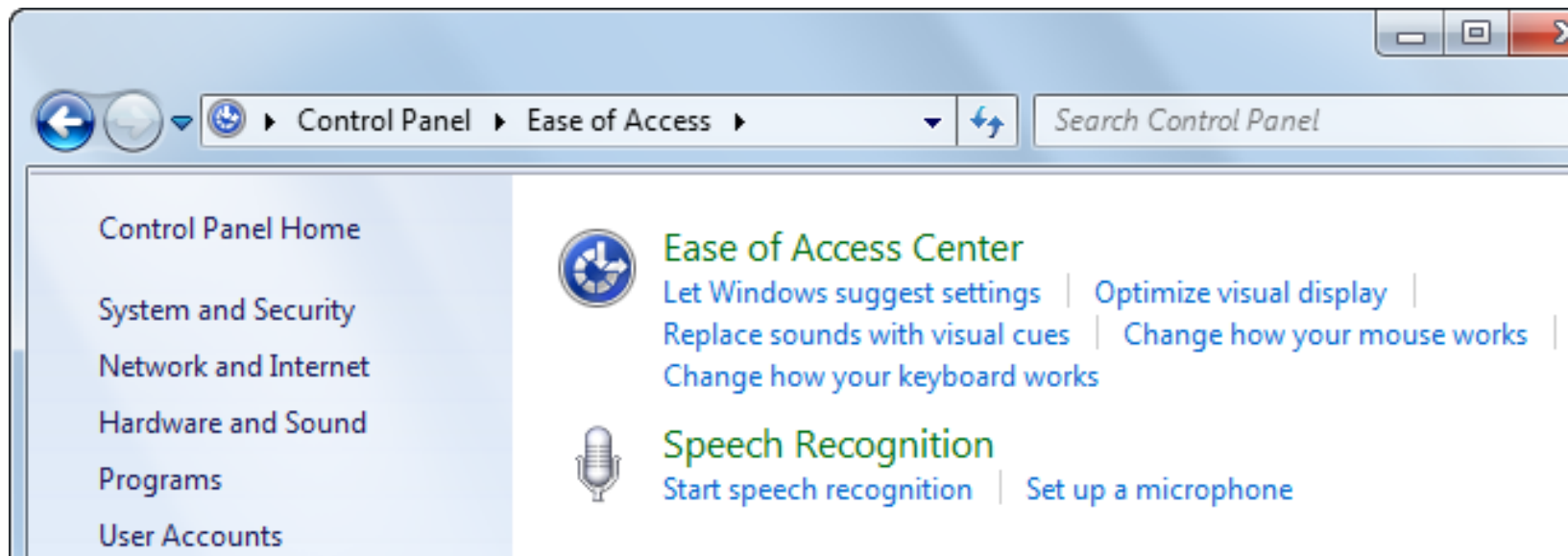
# Thay đổi ngôn ngữ (Language)

- Bạn có thể thay đổi định dạng cho ngày tháng theo yêu cầu bằng cách nhấp chọn thẻ Format



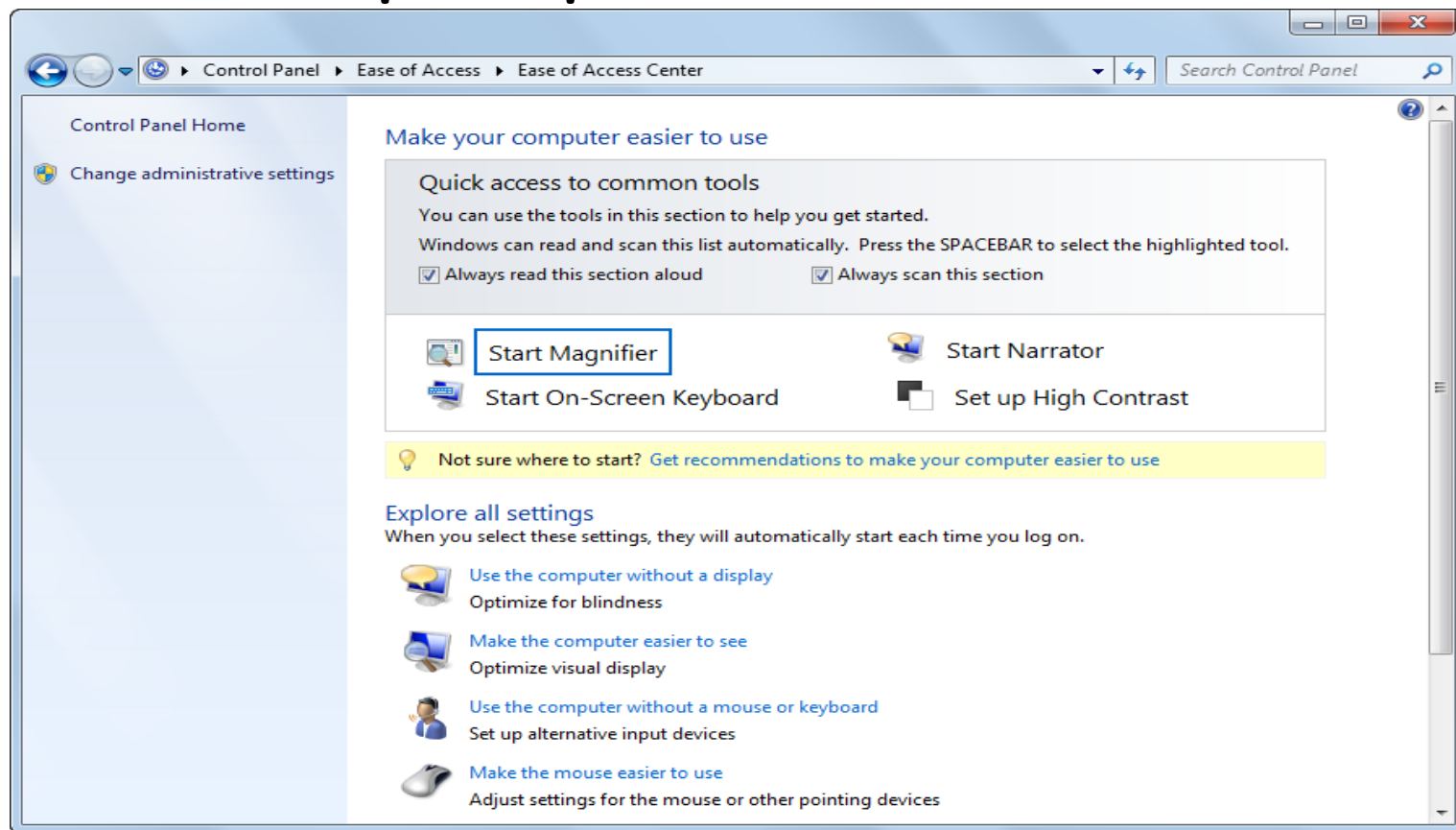
# Các cài đặt khả năng truy cập

- Hỗ trợ các thiết bị trợ giúp cho người khuyết tật
- Hỗ trợ các thiết bị trợ giúp
  - Có thể tùy biến các cài đặt khả năng truy cập và các thiết bị
- Các hệ điều hành khác cũng có những tính năng hỗ trợ truy cập dành cho người khuyết tật tương tự như Windows



# Các cài đặt khả năng truy cập

- Có thể chọn một trong các lựa chọn hoặc nhấp chọn Ease of Access Center để thấy danh sách các lựa chọn



# Các cài đặt khả năng truy cập

## **Magnifier**

Các phần chia mở rộng của màn hình làm cho dễ xem văn bản và hình ảnh hơn và thấy toàn màn hình dễ dàng hơn

## **Narrator**

Một trình đọc màn hình cơ bản để đọc to văn bản trên màn hình và mô tả một số sự kiện để bạn biết cái gì đang xảy ra khi bạn sử dụng máy tính.

## **On-Screen**

## **Keyboard**

Hiển thị một bàn phím ảo trên màn hình để bạn có thể sử dụng với một thiết bị chuột hoặc một thiết bị trỏ khác.

## **High Contrast display settings**

Tăng độ tương phản của các màu sắc để giảm sự mỏi mắt và làm cho các đối tượng dễ đọc hơn.

# Tìm hiểu Power Options

- Tắt máy
  - Tắt máy tính đúng cách là rất quan trọng
    - Tiết kiệm năng lượng và đảm bảo cho dữ liệu của bạn đã được lưu
  - Để tắt, nhấp vào Start, chọn Shut down
    - Máy tính sẽ đóng tất cả các tập tin, ứng dụng đang mở và tắt hệ điều hành, sau đó hoàn tất việc tắt máy tính và màn hình hiển thị
    - Khởi động lại máy tính của bạn sau khi tắt máy mất nhiều thời gian hơn việc đánh thức máy tính đang tạm nghỉ hoặc ngủ đông

# Tìm hiểu Power Options

- Tạm nghỉ

- Khi bạn đặt máy tính ở chế độ tạm nghỉ, Windows đặt công việc của bạn vào trong bộ nhớ và chỉ tiêu tốn một lượng nhỏ về nguồn điện
  - Không cần phải đóng các chương trình và các tập tin nhưng nên lưu công việc bạn đang thực hiện
  - Sau vài giờ hoặc nếu pin đang ở mức thấp, công việc được tự động lưu vào ổ đĩa cứng và máy tính tắt
- Khi bạn đánh thức máy tính, màn hình sẽ quay trở lại một cách chính xác những gì bạn đang thực hiện trước khi bạn đặt máy tính về chế độ tạm nghỉ
  - Để đánh thức máy tính khi tạm nghỉ, di chuyển chuột hoặc nhấn một phím bất kì trên bàn phím

# Tìm hiểu Power Options

- Ngủ đông
  - Là trạng thái tiết kiệm điện được thiết kế chủ yếu cho các máy tính xách tay
    - Máy tính đưa tất cả tài liệu và chương trình đang mở vào ổ đĩa cứng và sau đó tắt máy tính
    - ngủ đông là chế độ nghỉ ít tốn điện nhất
  - khi bạn biết bạn sẽ không sử dụng nó trong một khoảng thời gian kéo dài và sẽ không có cơ hội sạc pin trong suốt khoảng thời gian này
  - Cũng rất hữu ích khi bạn cần đóng nắp máy tính xách tay và di chuyển sang một vị trí khác
  - Để đánh thức máy tính xách tay khi đang ngủ đông, ấn vào nút nguồn

# Tìm hiểu Power Options

- Làm việc với Power Settings
  - Cho phép bạn tùy biến có bao nhiêu nguồn điện được dùng cho các công việc cụ thể
  - Có thể cấu hình và áp dụng kế hoạch cấp nguồn để tự động tắt màn hình và đặt máy tính vào chế độ tạm nghỉ sau một khoảng thời gian cụ thể



## Power Options

[Change battery settings](#)

[Require a password when the computer wakes](#)

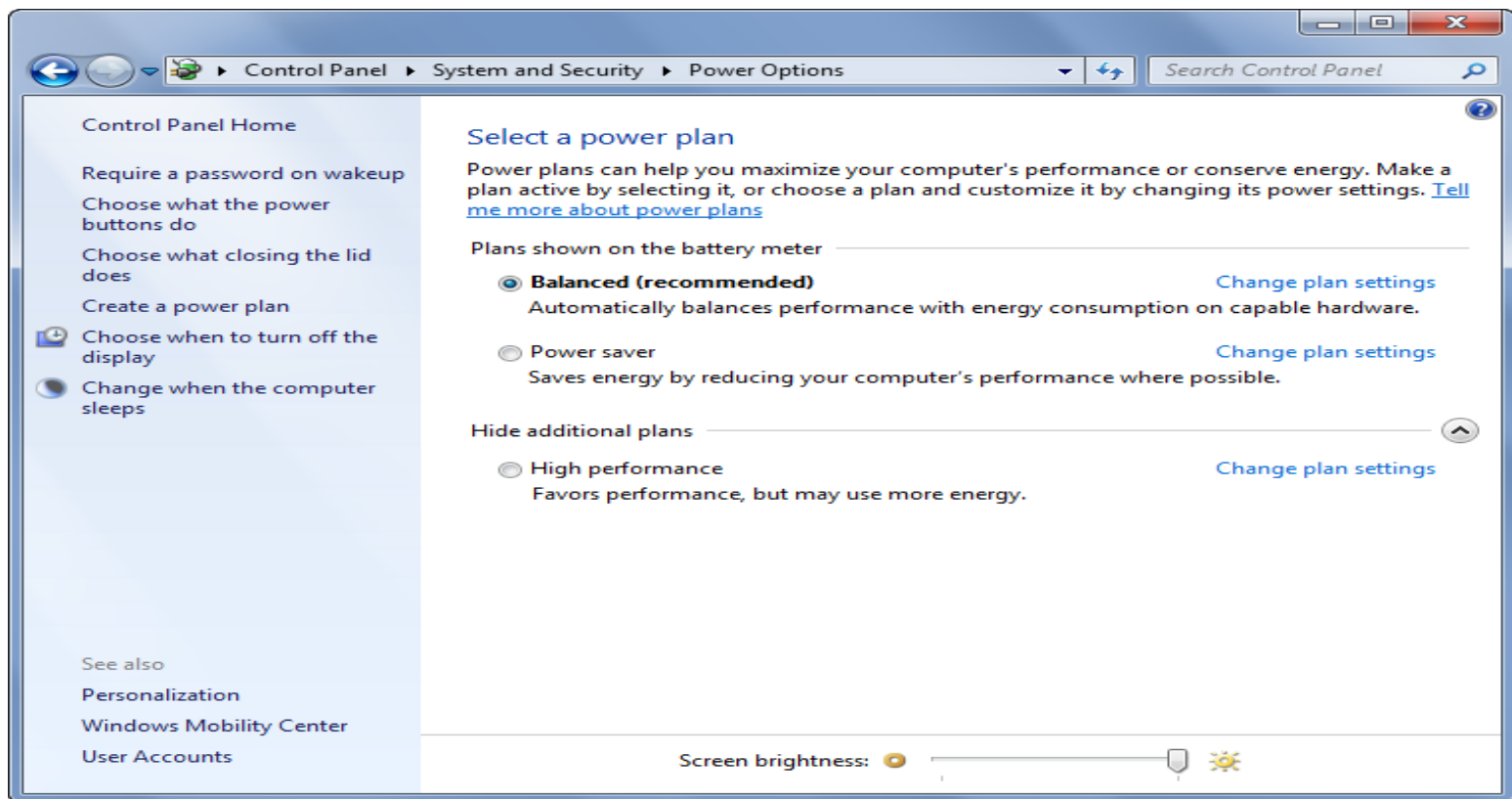
[Change what the power buttons do](#)

[Change when the computer sleeps](#)

- Để thay đổi trạng thái nguồn cho một thiết bị xách tay, chọn Start, Control Panel, Hardware and Sound.

# Tìm hiểu Power Options

- Để xem tất cả các cấu hình lựa chọn, chọn Power Options
- Nếu bạn đã kết nối vào một mạng không có đầy đủ quyền quản trị hệ thống, một số lựa chọn có thể bị giới hạn



# Tìm hiểu Power Options

- Windows có nhiều kế hoạch cấp nguồn được xây dựng sẵn. bạn có thể áp dụng chúng, hiệu chỉnh các cài đặt của chúng hoặc tạo kế hoạch cấp nguồn tùy biến dựa trên các kế hoạch cấp nguồn được xây dựng sẵn
- Để xem hoặc thay đổi kế hoạch nguồn điện, nhấp vào Change plan settings

## Change settings for the plan: Balanced

Choose the sleep and display settings that you want your computer to use.

Some settings are managed by your system administrator. [Why can't I change some settings?](#)

|                                                                                                                |  On battery |  Plugged in |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  Dim the display:           | 2 minutes                                                                                      | 5 minutes                                                                                      |
|  Turn off the display:      | 5 minutes                                                                                      | 10 minutes                                                                                     |
|  Put the computer to sleep: | 15 minutes                                                                                     | Never                                                                                          |
|  Adjust plan brightness:    |             |             |

[Change advanced power settings](#)

[Restore default settings for this plan](#)

# Tìm hiểu Power Options

Trong cửa sổ Power Options, chọn Change what the power buttons hoặc tùy chọn Choose what closing the lid does

Thiết lập những gì sẽ xảy ra với nguồn điện cho các chế độ khác nhau

## Define power buttons and turn on password protection

Choose the power settings that you want for your computer. The changes you make to the settings on this page apply to all of your power plans.

### Power and sleep buttons and lid settings

|                                                                                                                  |  On battery |  Plugged in |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  When I press the power button: | Sleep ▼                                                                                        | Sleep ▼                                                                                        |
|  When I press the sleep button: | Sleep ▼                                                                                        | Sleep ▼                                                                                        |
|  When I close the lid:          | Sleep ▼                                                                                        | Sleep ▼                                                                                        |

### Password protection on wakeup

 [Change settings that are currently unavailable](#)

☒ Require a password (recommended)

When your computer wakes from sleep, no one can access your data without entering the correct password to unlock the computer. [Create or change your user account password](#)

☐ Don't require a password

When your computer wakes from sleep, anyone can access your data because the computer isn't locked.

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Có ba loại tài khoản người dùng khác nhau trong Windows 7:
  - Tiêu chuẩn (Standard)
  - Quản trị viên (Administrator)
  - Khách (Guest)
- Mỗi loại tài khoản có một mức độ quyền cụ thể
  - Xác định bạn có được phép truy xuất một đối tượng nào đó hay không và bạn có thể làm gì với nó
  - Mọi người có quyền đọc/ghi để tạo, hiệu chỉnh, xem hoặc in (print) các tập tin mà tài khoản của họ sở hữu
  - Chỉ một số người có tài khoản Administrator có thể xem các tập tin được tạo bởi tất cả người dùng trên hệ thống

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

## **Administrator account**

Cho phép bạn tạo các thay đổi trên hệ thống sẽ tác động đến các người dùng khác

## **Standard user account**

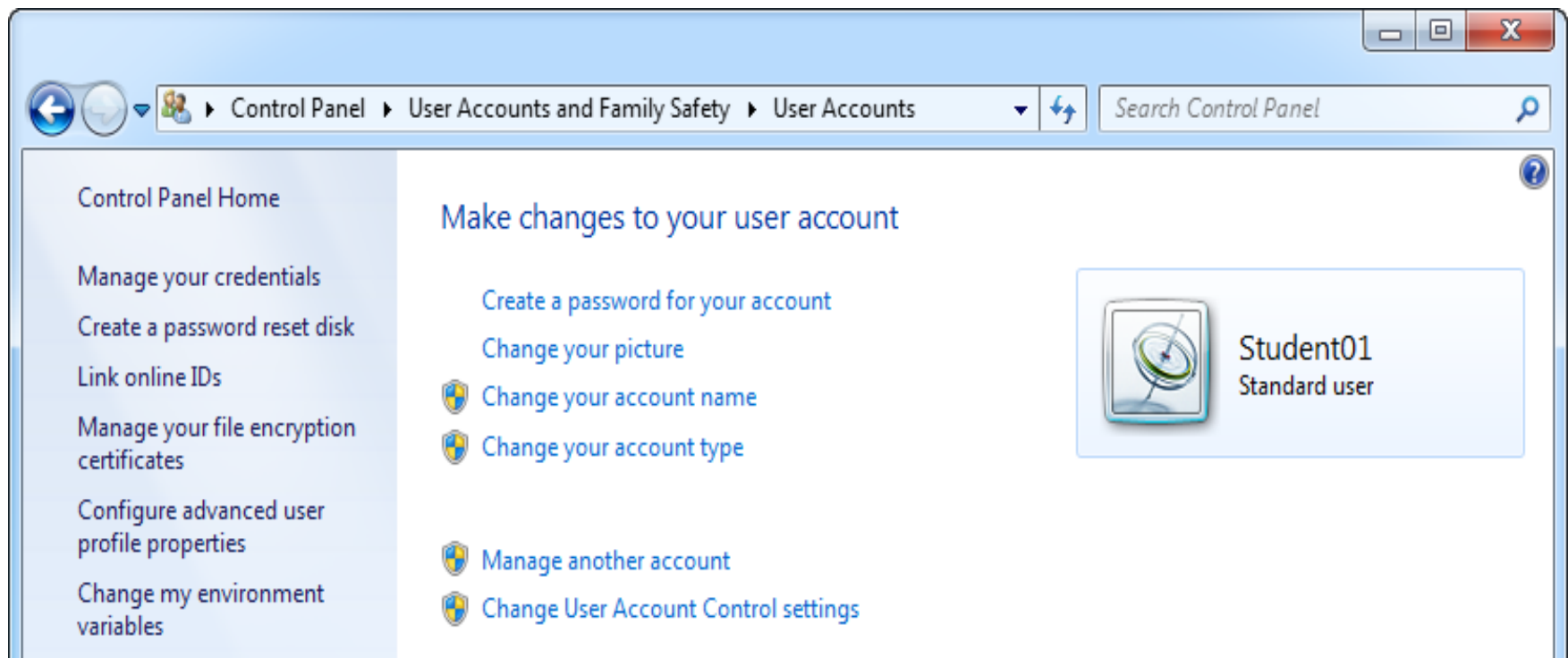
Có thể sử dụng chương trình cài đặt và thay đổi cài đặt cho tài khoản người dùng, không thể cài đặt hoặc gỡ bỏ một số phần mềm và phần cứng, không thể thay đổi các thiết lập tác động đến người dùng khác hoặc bảo mật trên máy tính.

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Một tài khoản Administrator được tạo tự động khi Windows 7 được cài đặt trên một máy tính
  - Nếu bạn một máy tính ở trường học hoặc văn phòng của bạn, người quản trị hệ thống thường sẽ tạo sẵn một tài khoản Standard user cho bạn
  - Nếu bạn là người duy nhất sử dụng máy tính, nên tạo và sử dụng một tài khoản Standard user để thực hiện các công việc hàng ngày
- Khi bạn sử dụng một tài khoản Standard user, bạn sẽ được nhắc để nhập vào mật khẩu của tài khoản Administrator trước khi bạn có thể thực hiện các tác vụ nào đó
  - Nhắc bạn nhập mật khẩu là cách của Windows mang đến cho sự quan tâm của bạn về việc có thể tạo ra một thay đổi đáng kể trên hệ thống.

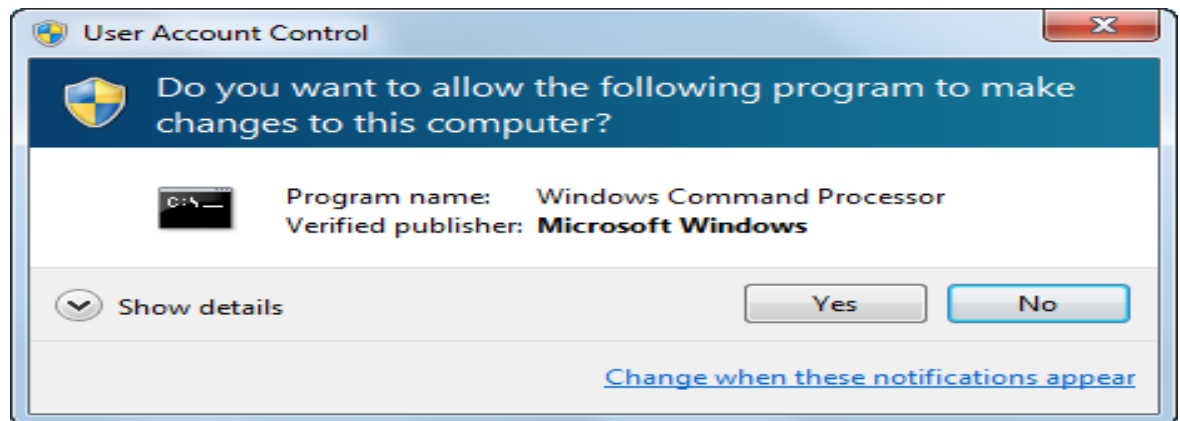
# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Để xem loại tài khoản bạn đang sử dụng, chọn Start, Control Panel, User Accounts and Family Safety, sau đó chọn liên kết User Accounts



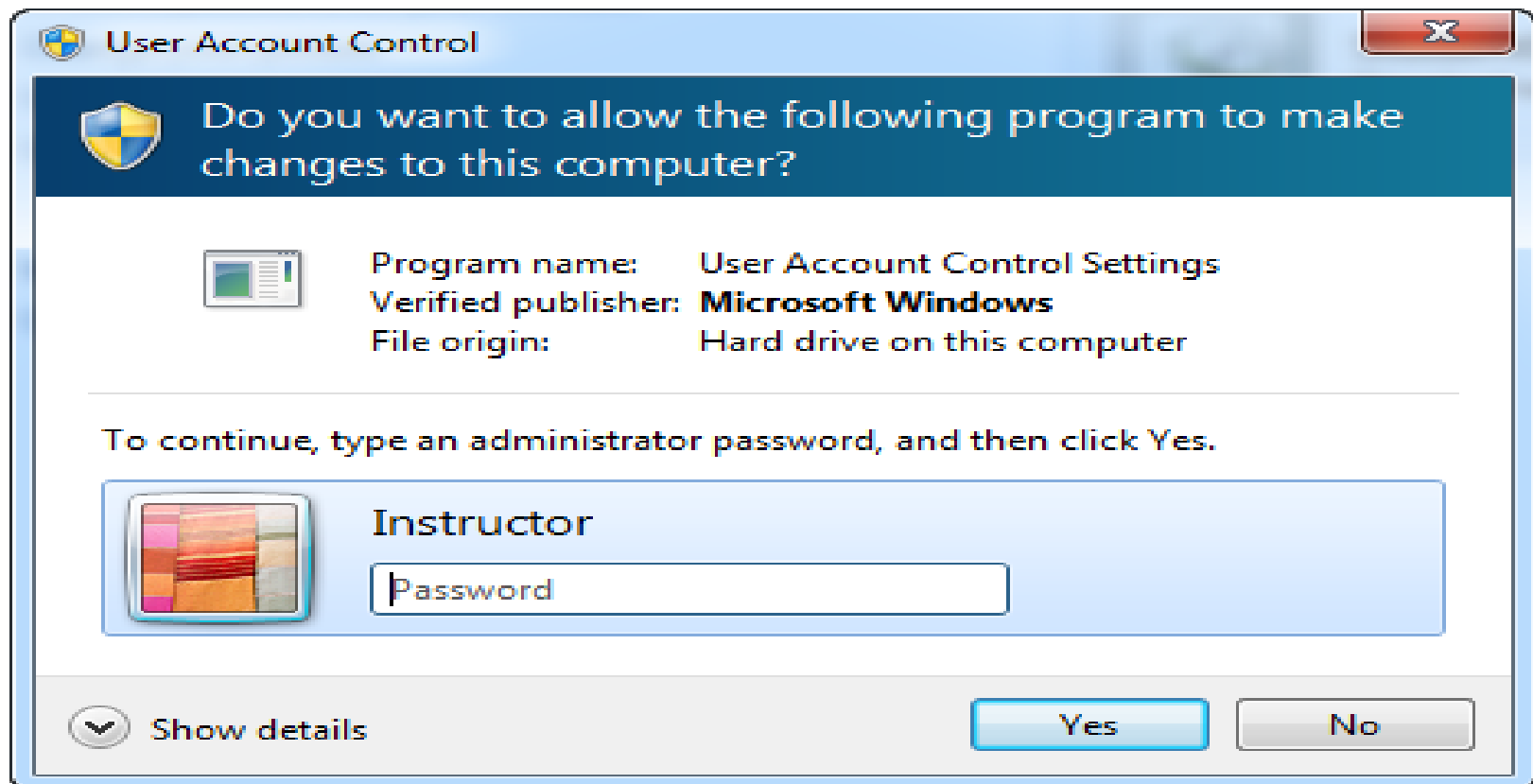
# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Điều khiển tài khoản người dùng (UAC: User Account Control)
  - Điều chỉnh các mức độ cho phép để bạn có thể có quyền phù hợp đối với các tác vụ bạn đang thực hiện
  - Các vấn đề về điều khiển tài khoản người dùng xuất hiện khi một người dùng hoặc một chương trình sắp sửa tạo một sự thay đổi cần đòi quyền cấp Administrator



# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Cấp độ quyền của bạn tạm thời được nâng lên cho phép bạn hoàn thành tác vụ, sau đó cấp độ quyền của bạn trở lại với Standard user



# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Tạo một tài khoản người dùng mới
  - Cần quyền quản trị viên để tạo
    - Đăng nhập bằng tài khoản quản trị viên
    - Chọn Start, Control Panel và sau đó chọn User Accounts and Family Safety. Sau đó, phía dưới liên kết User Accounts, chọn Add or remove user accounts

Choose the account you would like to change



Sue  
Administrator



Guest  
Guest account is off

[Create a new account](#)

[What is a user account?](#)

**Additional things you can do**

 [Set up Parental Controls](#)

[Go to the main User Accounts page](#)

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Chọn Create a new account

## Name the account and choose an account type

This name will appear on the Welcome screen and on the Start menu.

☒ Standard user

Standard account users can use most software and change system settings that do not affect other users or the security of the computer.

☐ Administrator

Administrators have complete access to the computer and can make any desired changes. Based on notification settings, administrators may be asked to provide their password or confirmation before making changes that affect other users.

We recommend that you protect every account with a strong password.

[Why is a standard account recommended?](#)

Create Account

Cancel

- Nhập tên của người dùng mới vào trường trống  
“New account name”

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Chọn cấp độ truy cập bạn muốn cấp cho người dùng mới và sau đó chọn Create Account

Choose the account you would like to change



**Sue**  
Administrator



**Allison**  
Standard user



**Guest**  
Guest account is off

[Create a new account](#)

[What is a user account?](#)

## Additional things you can do

 [Set up Parental Controls](#)

[Go to the main User Accounts page](#)

- Nhấp vào tài khoản mới để truy cập nó

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Để chỉnh sửa tài khoản, nhấn vào tài khoản để truy cập
  - Thêm hoặc thay đổi mật khẩu, nhấn Create a password

[Create a password for Allison's account](#)



Allison  
Standard user

You are creating a password for Allison.

**If you do this, Allison will lose all EFS-encrypted files, personal certificates and stored passwords for Web sites or network resources.**

To avoid losing data in the future, ask Allison to make a password reset floppy disk.

If the password contains capital letters, they must be typed the same way every time.

[How to create a strong password](#)

The password hint will be visible to everyone who uses this computer.

[What is a password hint?](#)

Create password

Cancel

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Để xóa tài khoản người dùng, chọn tài khoản và nhấn Delete the account

Do you want to keep Allison's files?

Before you delete Allison's account, Windows can automatically save the contents of Allison's desktop and Documents, Favorites, Music, Pictures and Videos folders to a new folder called 'Allison' on your desktop. However, Windows cannot save Allison's e-mail messages and other settings.

Delete Files

Keep Files

Cancel

- Khi xóa tài khoản tất cả các tập tin dữ liệu liên quan đến tài khoản này có thể bị xóa ở cùng thời điểm
  - Nên tạo một bản sao lưu của các tập tin này trong trường hợp bạn có thể cần đến chúng sau này trước khi tiến hành xóa
- Nhấp vào Delete Files
- Nếu bạn chắc chắn muốn xóa tài khoản, chọn Delete Account để tiến hành

Are you sure you want to delete Allison's account?

Windows will delete all of Allison's files, and then delete Allison's account.

Delete Account

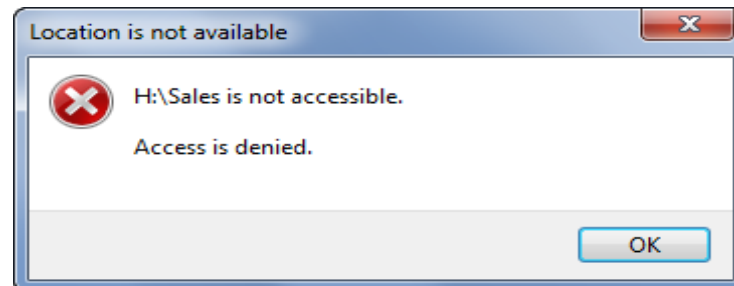
Cancel

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Các quyền (rights) và sự truy cập
  - Mỗi loại tài khoản đều có quyền được phân cấp cụ thể phù hợp với chúng
  - Mỗi tài khoản người dùng lại có thể có các quyền riêng rẽ khác cho riêng chúng
  - Quyền xác định những gì bạn có thể truy cập và làm
    - Đọc (Read): Bạn có thể xem tên của các tập tin và thư mục trên mạng, xem nội dung của các tập tin và thực thi các chương trình ứng dụng.
    - Ghi (Write): Bạn có thể xem tên và nội dung của các tập tin và thư mục trên mạng, có thể tạo các tập tin và thư mục mới, hiệu chỉnh nội dung của các tập tin, xóa các tập tin và thư mục.

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Hệ thống độc lập (Standalone system): tự động có cả quyền đọc và ghi đến tất cả các thư mục liên quan đến tài khoản người dùng của bạn
  - Để truy cập vào các thư mục liên quan với các tài khoản người dùng khác trên máy tính, bạn phải cung cấp một mật khẩu của Administrator.
- Nếu bạn làm việc trên một mạng người quản trị hệ thống mạng có thể quản lý được việc người dùng nào có thể truy cập các tài nguyên mạng
  - Xem nội dung của một số thư mục mạng, nhưng không thể tạo hoặc lưu các tập tin vào các thư mục đó.



# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Hầu hết các quản trị hệ thống và quản trị mạng
  - Định nghĩa nên các nhóm người dùng cụ thể trong một mạng, các quyền cụ thể liên quan đến mỗi nhóm đã định nghĩa và sau đó thêm các người dùng riêng lẻ vào các nhóm người dùng
  - Người sử dụng có thể thuộc về nhiều nhóm
  - Các thiết bị điện toán bất kì được sở hữu bởi một trường học hoặc một tổ chức thuộc phạm vi trách nhiệm của các quản trị hệ thống và quản trị mạng
  - Cấu hình các máy tính để người dùng có thể thực hiện các tác vụ tương ứng với công việc của họ
  - Thiết lập các tác vụ đã lên lịch trên một máy tính của công ty để đảm bảo hệ thống được bảo mật và cập nhật

# Tìm hiểu User Accounts và các quyền

- Chính sách theo nhóm (Group Policy)
  - Các mạng lớn như mạng trường học hoặc mạng doanh nghiệp sử dụng hệ thống quản lý và tổ chức mạng gọi là Active Directory
    - Quản trị viên có thể dùng để điều khiển môi trường làm việc của các tài khoản người dùng và các tài khoản máy tính
    - Sử dụng Group policy để quản lý và cấu hình hệ điều hành, các phần mềm ứng dụng và các thiết lập của người dùng.
  - Đặc biệt hữu ích để điều khiển và quản lý các thiết bị điện toán xách tay
    - Khi người dùng kết nối vào mạng công ty, Group policy được người quản trị tạo cho các máy tính di động được áp dụng một cách tự động

# Tóm tắt bài học

- Khởi động Control Panel
- Thay đổi các chế độ xem (View)
- Thay đổi sự hiển thị của màn hình nền (Desktop)
- Thay đổi ngày giờ
- Thay đổi các chế độ xem hoặc nhập liệu với các ngôn ngữ khác
- Tìm kiếm các thiết lập cho các tùy chọn khả năng truy cập
- Cài đặt các tùy chọn khác nhau về nguồn điện
- Xác định các loại tài khoản khác nhau và sự giới hạn

## 4. Một số phần mềm tiện ích

---

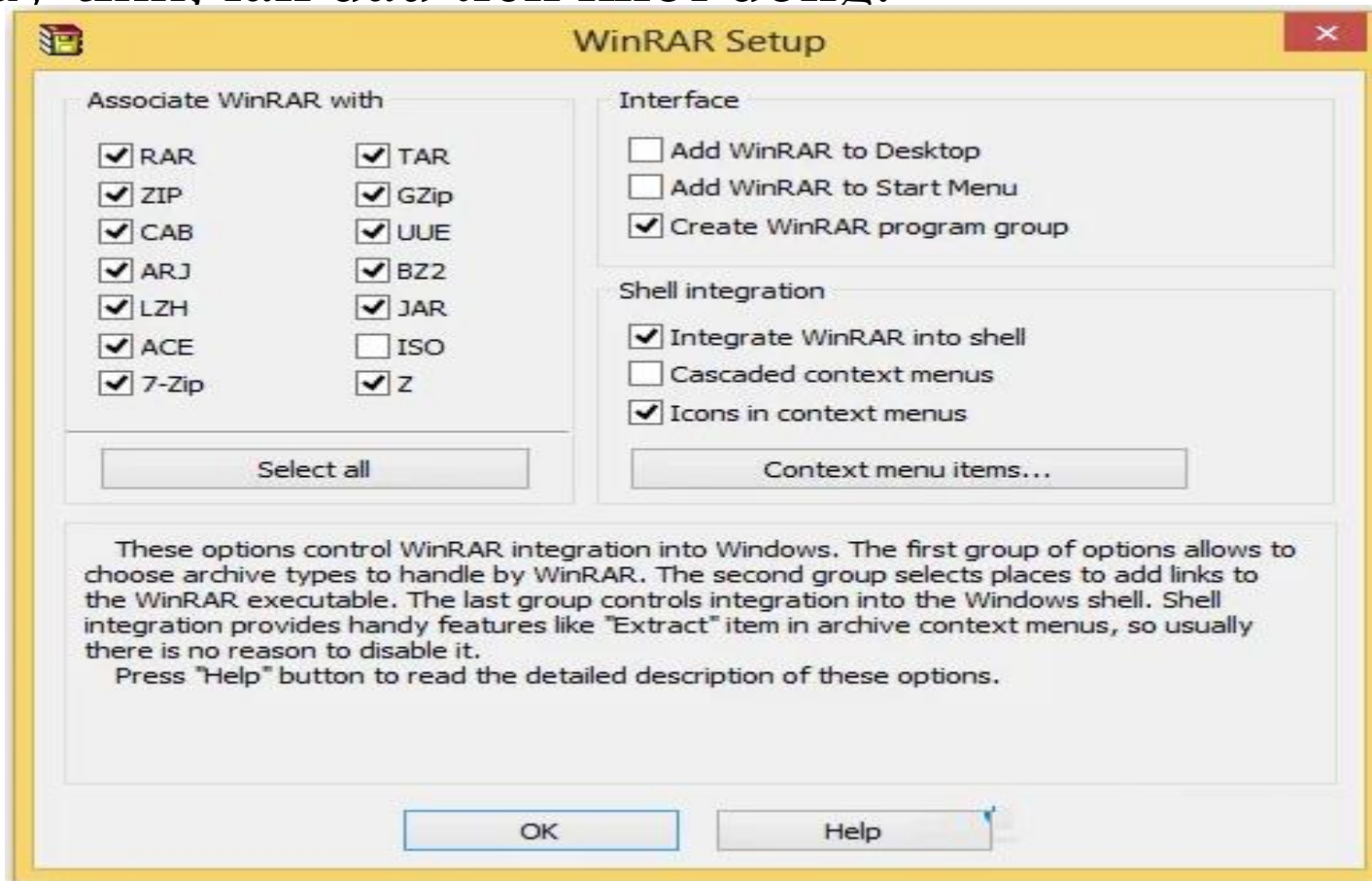
**\* Phần mềm nén, giải nén tập tin thông dụng:**

1. WinRAR.
2. WinZip.
3. KGB Archiver.
4. 7-Zip.
5. RAR File Open Knife.
6. RarZilla Free Unrar.
7. PeaZip.
8. ExtractNow.
9. The Extractor.
10. ZIP Reader.
11. Zipeg.
12. Universal Extractor.

## 4. Một số phần mềm tiện ích

### Hướng dẫn Sử Dụng Phần Mềm WinRAR

Download WinRAR và tiến hành cài đặt chương trình trên máy tính, lần đầu tiên khởi động:



## 4. Một số phần mềm tiện ích

### Cách Giải Nén File Bằng WinRAR

**Phương pháp 1:** Sau khi đã download file nén, bạn click chuột phải vào nó và chọn Open with WinRAR. Thao tác này sẽ mở chương trình và nội dung trong thư mục của bạn sẽ được liệt kê trong đó.



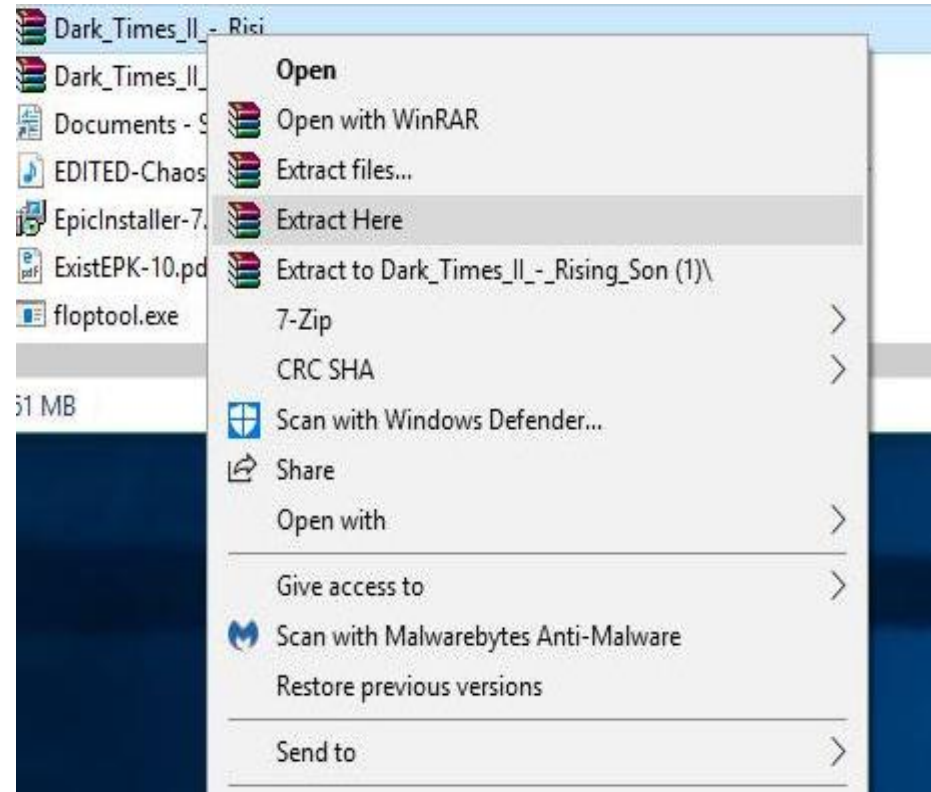
Tiếp theo, bạn chỉ cần click vào biểu tượng Extract To ở trên thanh công cụ. Chọn thư mục đích và nhấn OK. Bây giờ, các file đã được giải nén của bạn sẽ xuất hiện tại thư mục đó.

## 4. Một số phần mềm tiện ích

### Cách Giải Nén File Bằng WinRAR

**Phương pháp 2:** Tất cả những gì bạn cần làm là click chuột phải vào file nén và chọn Extract Here. Điều này sẽ giải nén toàn bộ nội dung từ file nén vào ngay cửa sổ hiện tại.

Lưu ý: Nếu sử dụng phương pháp này, bạn nên tạo một thư mục mới, lý tưởng nhất là ngay trên desktop. Sau đó, bạn kéo hoặc cắt và dán file nén vào thư mục này. Bằng cách đó khi bạn chọn Extract Here, nội dung được giải nén sẽ cùng nằm ở vị trí dễ tìm và không bị lạc trong một thư mục chung không rõ như ổ C: hoặc Downloads.



## 4. Một số phần mềm tiện ích

### Cách Nén File Bằng WinRAR

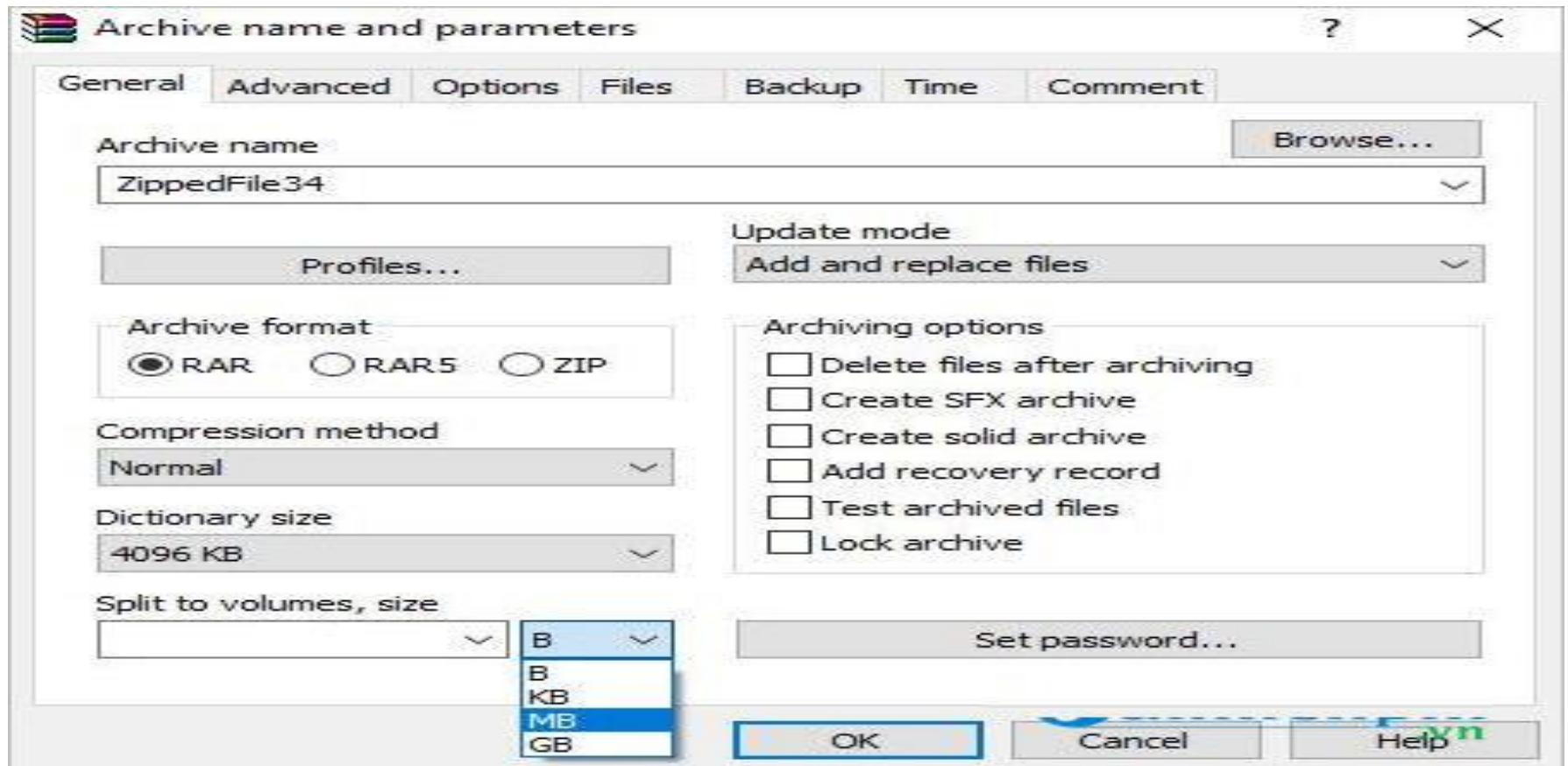
Tính năng tuyệt vời khác của WinRAR là khả năng nén file. Điều này đặc biệt hữu ích nếu bạn muốn gửi nhiều file có dung lượng lớn cho ai đó. Bạn có thể bắt đầu nén file bằng cách chọn các tệp tin bạn muốn hoặc kéo các file vào màn hình của bạn để dễ dàng truy cập.

Sau khi tất cả các tệp đã được chọn, bạn nhấp chuột phải và chọn Add to Archive. Nó sẽ mở một cửa sổ như hình dưới đây.



## 4. Một số phần mềm tiện ích

### Cách Nén File Bằng WinRAR



Tại đó, bạn có thể đặt tên cho file nén trong trường Archive name, chọn kích thước file và trước khi click OK.

## 4. Một số phần mềm tiện ích

### Đặt mật khẩu để bảo vệ file

Nếu muốn đảm bảo file nén của mình không bị xâm phạm, bạn có thể đặt mật khẩu để bảo vệ file đó.

Tất cả những gì bạn cần làm là click vào nút Set Password trong cửa sổ Archive name and parameters, nhập mật khẩu, xác nhận và click OK.



## 4. Một số phần mềm tiện ích

---

### \* Phần mềm diệt virus

1. Bitdefender Antivirus Plus
2. Kaspersky Anti-Virus
3. Webroot SecureAnywhere AntiVirus
4. McAfee AntiVirus Plus
5. ESET NOD32 Antivirus
6. Norton AntiVirus Plus
7. Trend Micro Antivirus+ Security
8. Emsisoft Anti-Malware
9. F-Secure Anti-Virus
10. Malwarebytes Premium
11. Sophos Home Premium

# 5. Cách sử dụng Tiếng Việt

## Sử dụng bảng mã TV

- ❑ Bảng mã TCVN3 (ABC): Bảng mã của VN, có 2 loại
  - Font soạn thảo chữ thường có dạng: .vn...  
*Ví dụ:* Các font chữ như: .VnTime, .VnArial,...
  - Font soạn thảo chữ hoa có dạng: .Vn...H  
*Ví dụ:* các font chữ như: .VnTimeH, .VnArialH,...
- ❑ Bảng mã Unicode: Bảng mã Quốc Tế, nên sử dụng.  
*Ví dụ:* Time New Roman, Arial,...

# 5. Cách sử dụng Tiếng Việt (tt)

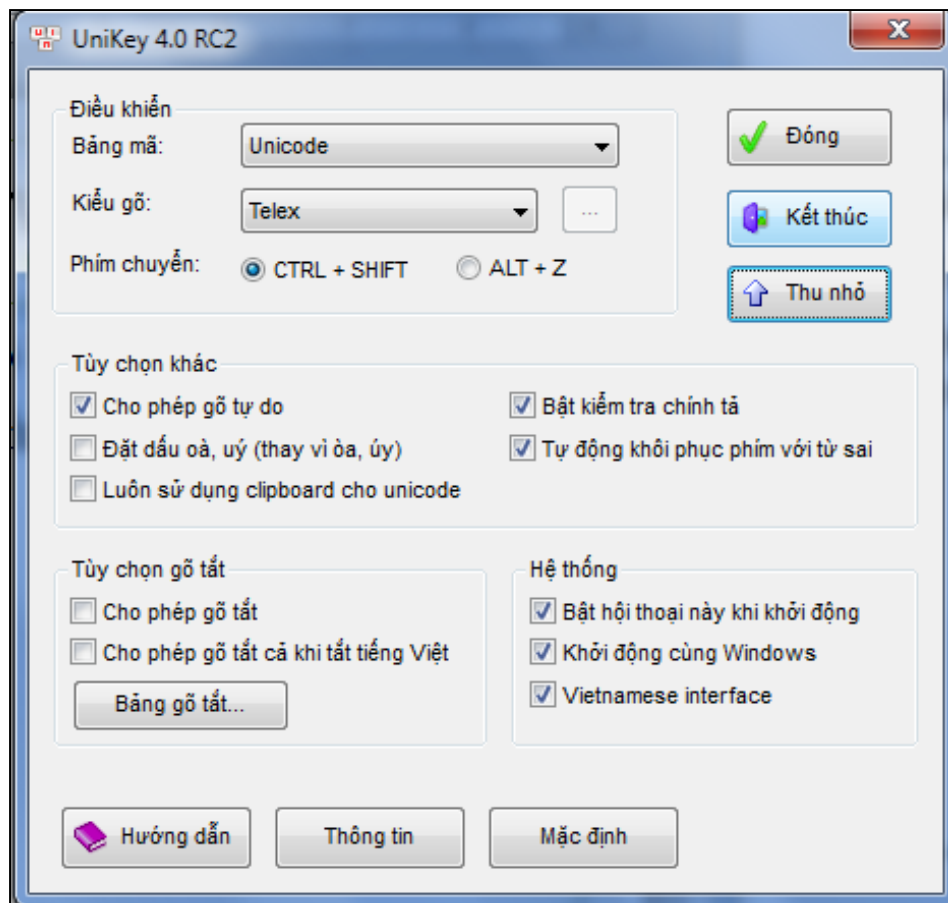
## Kiểu gõ

Có rất nhiều kiểu gõ Tiếng Việt trong Windows như Telex, VNI, VIQR... Thông dụng nhất hiện nay là kiểu gõ **Telex**.

| Ký tự      | Â  | Ê  | Ô  | Ơ     | Ư        | Ă  | Đ  |
|------------|----|----|----|-------|----------|----|----|
| Kiểu Telex | AA | EE | OO | OW; [ | UW; W; ] | AW | DD |
| Kiểu VNI   | A6 | E6 | O6 | O7    | U7       | A8 | D9 |

# 5. Cách sử dụng Tiếng Việt (tt)

## Giới thiệu bộ gõ Unikey (nên dùng)



**Phần mềm bộ gõ tiếng việt Unikey**

## 6. Chuyển đổi định dạng tập tin

---

### **Phần 1 - PDF Converter**

1. EasePDF
2. Smallpdf
3. Sejda

### **Phần 2 - Chuyển đổi video**

1. Online Video Converter
2. KeepVid
3. Online UniConverter

## **6. Chuyển đổi định dạng tập tin**

---

### **Phần 3 - Chuyển đổi âm thanh**

1. Online Audio Converter
2. JS Audio Converter

### **Phần 4 - Chuyển đổi hình ảnh**

1. GIỚI THIỆU
2. Imverter

### **Phần 5 - Bộ chuyển đổi tất cả trong một**

1. Zamzar
2. Convertio

## 7. Đa phương tiện

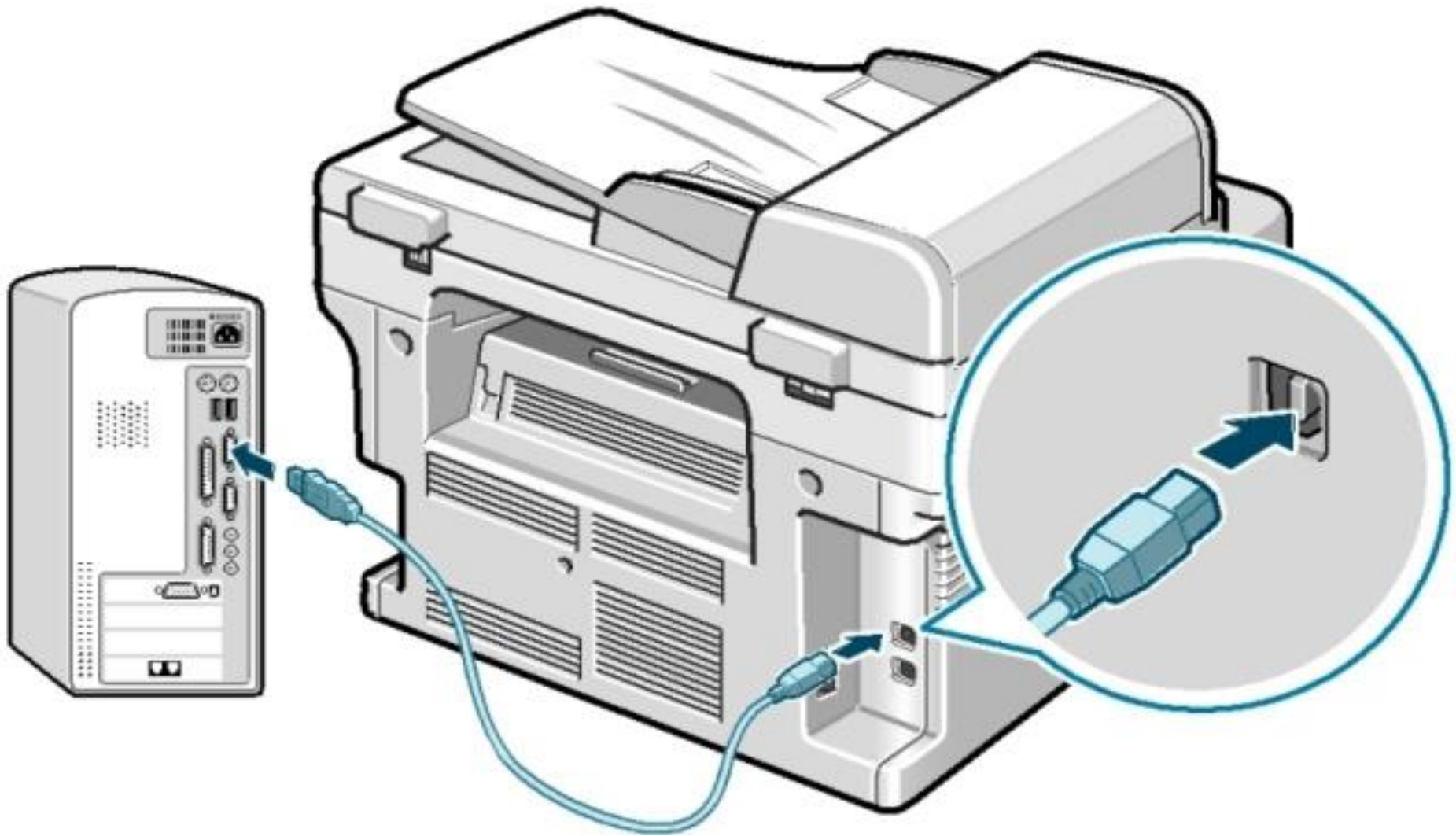
- Đa phương tiện hay còn gọi là công nghệ đa phương tiện đây là một ngành tích hợp được nhiều kiến thức truyền thông và công nghệ thông tin nhằm mục đích: Thiết kế, sáng tạo, xây dựng sản phẩm mang tính ứng dụng truyền thông như: Quảng cáo, báo chí, sản xuất phim, trò chơi,...
- Biên tập viên, quản lý và xây dựng nội dung, ý tưởng cho bìa sách, ấn phẩm, báo chí.
- Làm việc trong lĩnh vực truyền hình, sản xuất phim điện ảnh, hoạt hình, chỉnh sửa âm thanh, thiết kế nội dung truyền hình, kỹ xảo điện ảnh.

## 7. Đa phương tiện

---

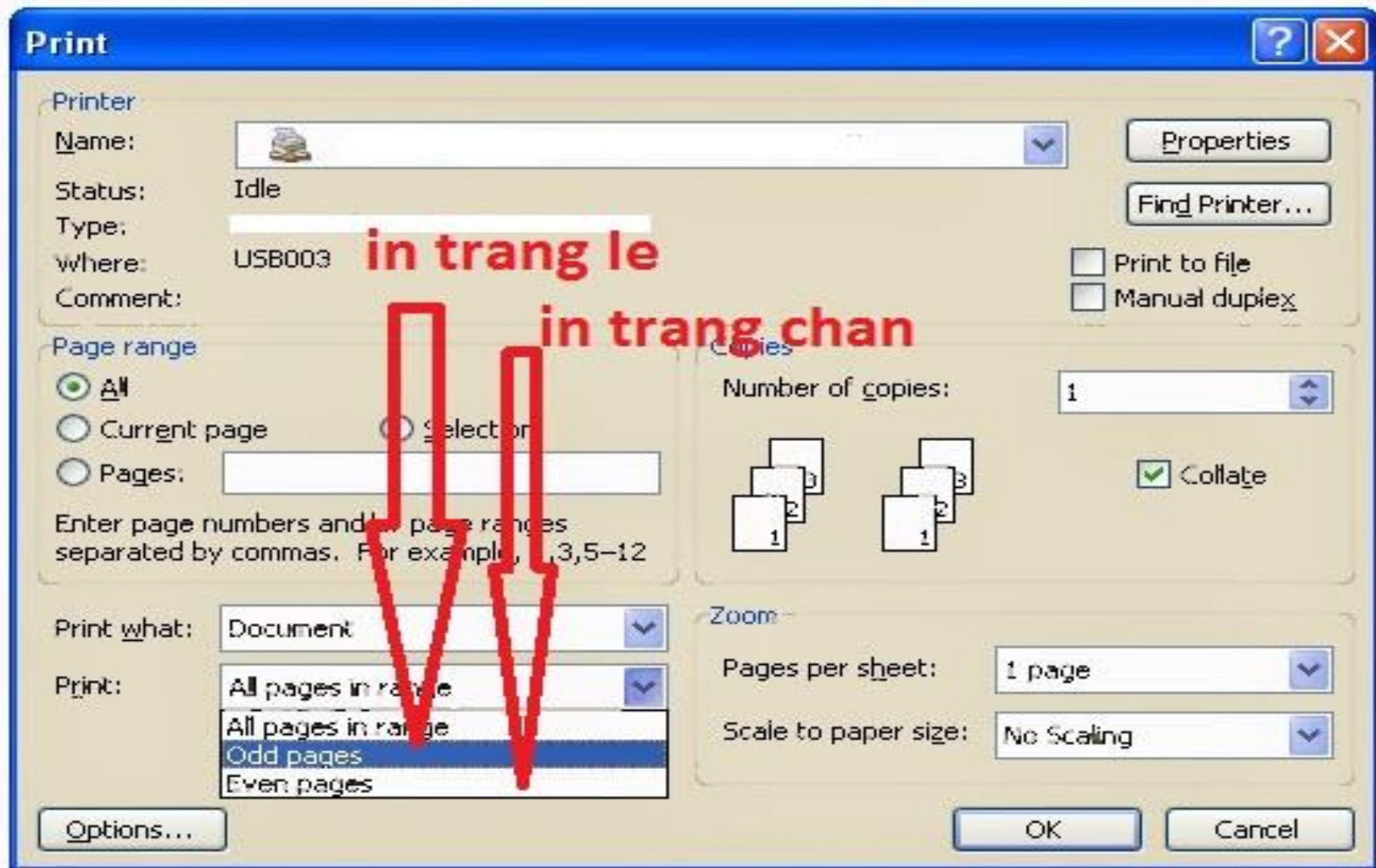
- Công việc thiết kế lên ý tưởng website, xây dựng nội dung chiến lược marketing phát triển thương hiệu xây dựng hình ảnh sản phẩm của công ty, doanh nghiệp.
- Thiết kế quảng cáo, bao bì, thiệp, nhãn hiệu, logo những mô hình y học, dịch vụ.
- Trực tiếp giảng dạy tại các trung tâm và cơ sở giáo dục chuyên ngành liên quan.

## 8. Sử dụng máy in



## 8. Sử dụng máy in

Mở hộp thoại in ta bấm tổ hợp phím Ctrl+P xuất hiện:



## 8. Sử dụng máy in

---

**Cách sử dụng máy in với những chức năng tùy chọn cơ bản:**

- **Copies:** số lượng bản mà bạn muốn in (bạn có thể điều chỉnh bao nhiêu bản tùy ý).
- **Printer Properties:** các cài đặt nâng cao
- **Print All Pages:** mục này có 2 tùy chọn mà bạn có thể sử dụng là Print All Pages (in tất cả các trang đang có) và Print Current Page (chỉ in những trang mà bạn chọn. Nếu chọn option này, bạn có thể điền vào khung Pages ở ngay bên dưới những trang mà bạn muốn in).

## 8. Sử dụng máy in

---

- **Print One Sided** (in 1 mặt) và **Print on Both Sides** (in 2 mặt). Lựa chọn này thì tùy vào máy in của bạn có hỗ trợ in 2 mặt hay không.
- **Collated (in theo tập)**: đây là chức năng dành cho những ai muốn in để đóng sổ luân 1 tập văn bản với số lượng lớn hoặc in theo từng trang.
- **Portrait/ Landscape Orientation**: tùy chọn này giúp bạn lựa chọn in theo chiều dọc hoặc chiều ngang.
- **A4/ Letter**: Chọn khổ giấy cho máy in: A4-A5...
- **Margins**: bản lề (căn bản lề xung quanh).
- **Page per sheet**: tùy chọn cho phép in gộp nhiều trang in trong 1 page. Có thể chọn là 2/4/6/8 gộp 1.

# **PHẦN II**

## **MẠNG CƠ BẢN**

# Mạng Cơ Bản

---

## 1. KHÁI NIỆM VỀ MẠNG MÁY TÍNH

- ❑ Mạng máy tính là một tập hợp các máy tính được nối với nhau bởi môi trường truyền (đường truyền) theo một cấu trúc nào đó và thông qua đó các máy tính trao đổi thông tin qua lại cho nhau.
- Môi trường truyền là hệ thống các thiết bị truyền dẫn có dây hay không dây dùng để chuyển các tín hiệu điện tử từ máy tính này đến máy tính khác.

# Mạng Cơ Bản

---

## 2. Internet, Intranet, Extranet

- Internet là một mạng toàn cầu thiết lập kết nối và cung cấp truyền giữa các máy tính khác nhau. Nó sử dụng cả chế độ liên lạc có dây và không dây để gửi và nhận bất kỳ thông tin nào như dữ liệu, âm thanh, video, ...
- Intranet là mạng riêng sử dụng giao thức Internet, kết nối mạng. Một mạng mở rộng có thể được xem như một phần của mạng nội bộ của công ty được mở rộng cho người dùng bên ngoài công ty, thường là qua Internet.
- Extranet là một phần của Intranet mà có khả năng truy xuất được từ bên ngoài qua Internet. Hay nói cách khác, Extranet là mạng nội bộ mở rộng.

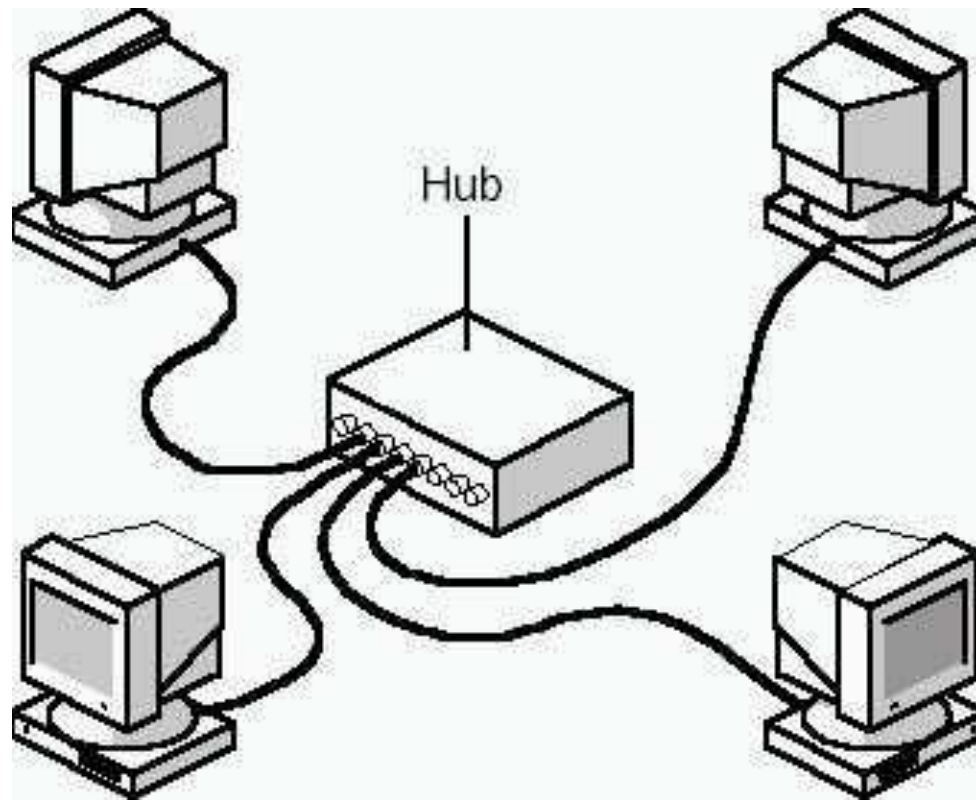
# Mạng Cơ Bản

---

- Nếu như hạn chế của Intranet là chỉ được truy cập bởi các thành viên bên trong mạng thì Extranet cho phép những người bên ngoài có mật khẩu có thể truy cập hạn chế vào khu lưu trữ thông tin của mạng.
- Extranet đang được sử dụng như một cách để các đối tác kinh doanh trao đổi thông tin bởi khả năng mở rộng ra môi trường ngoài của nó.
- Hiện nay, Intranet đã trở thành mạng lưới không thể thiếu trong một tổ chức, nó giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được một khoảng thời gian đáng kể trong việc truyền tải dữ liệu với tính bảo mật cao

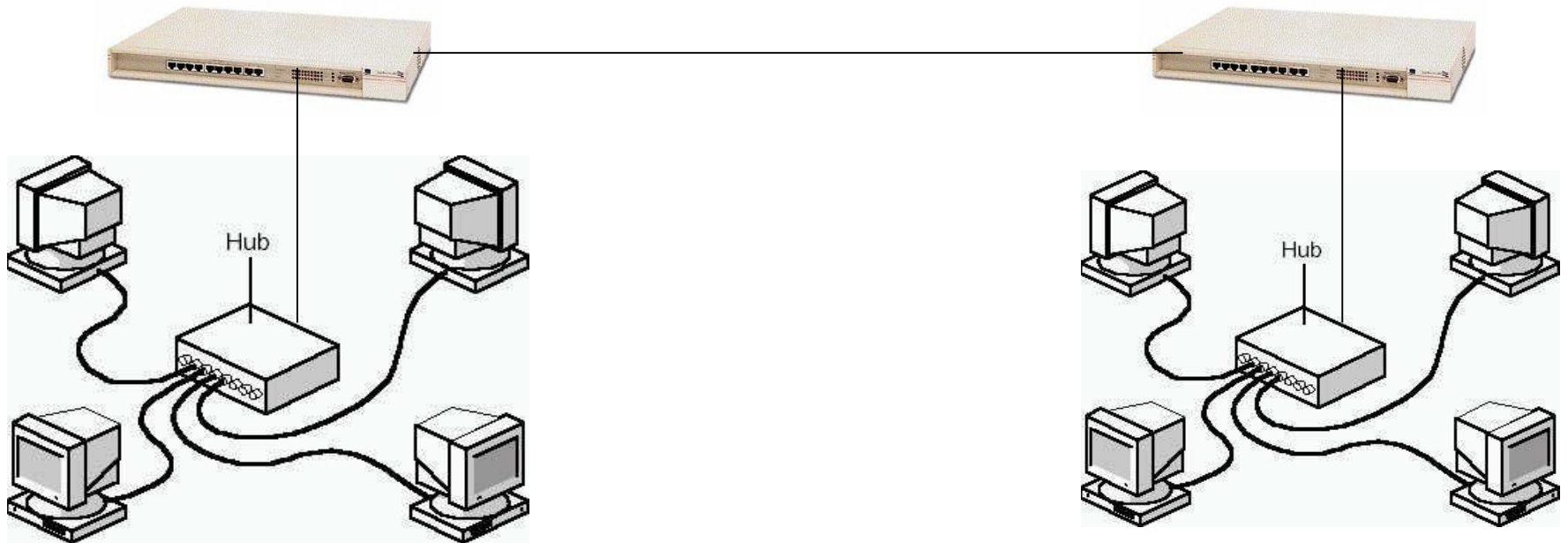
# Mạng Cơ Bản

- ❑ Mạng **LAN** (Local Area Network) là mạng nội bộ, kết nối các máy tính của một cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhỏ, bán kính vài trăm mét.



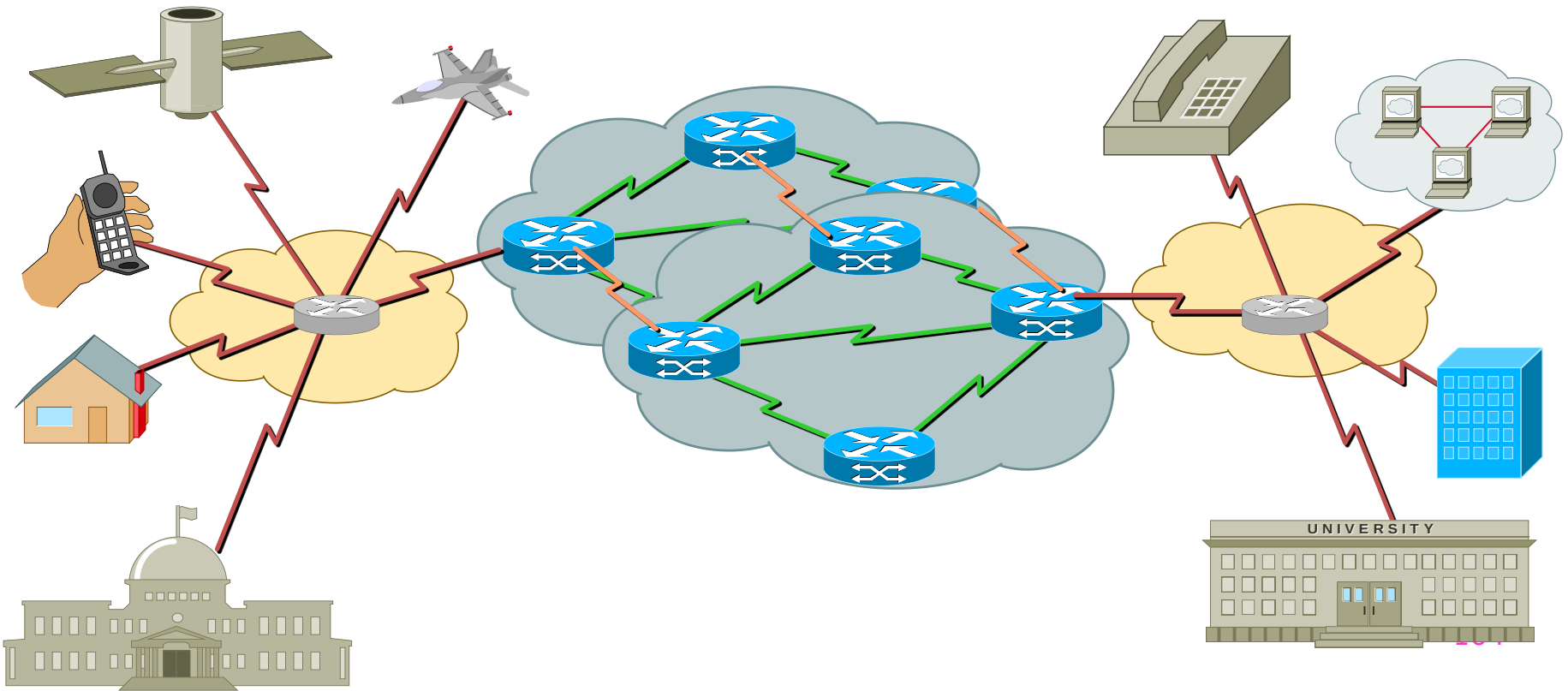
# Mạng Cơ Bản

- ❑ Mạng **WAN** (Wide Area Network) là mạng diện rộng, kết nối các mạng LAN ở xa nhau để có một mạng duy nhất. Thông thường kết nối này được thực hiện thông qua mạng viễn thông hay vệ tinh.



# Mạng Cơ Bản

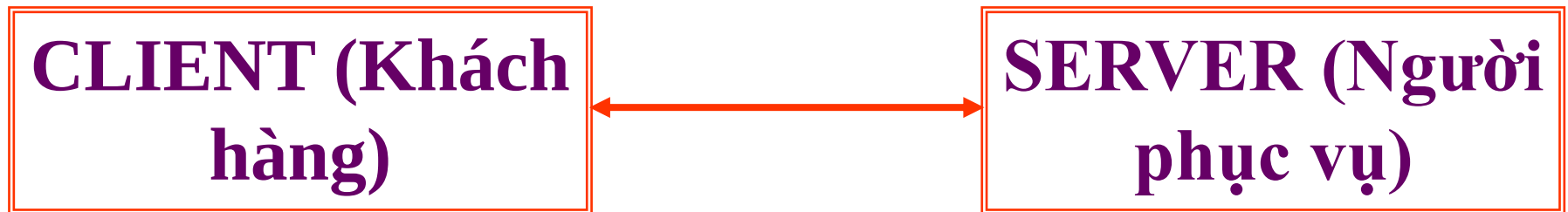
- ❑ Internet là liên mạng máy tính toàn cầu. Là sự kết hợp các mạng LAN, WAN trên toàn thế giới.
- ❑ Tháng 12/1997, Việt Nam kết nối Internet.



# Mạng Cơ Bản

## MÔ HÌNH KHÁCH HÀNG/NGƯỜI PHỤC VỤ

- ❑ Mô hình khách hàng/người phục vụ: Hệ thống Web được xây dựng theo mô hình khách hàng/người phục vụ (tiếng Anh gọi là Client/Server)



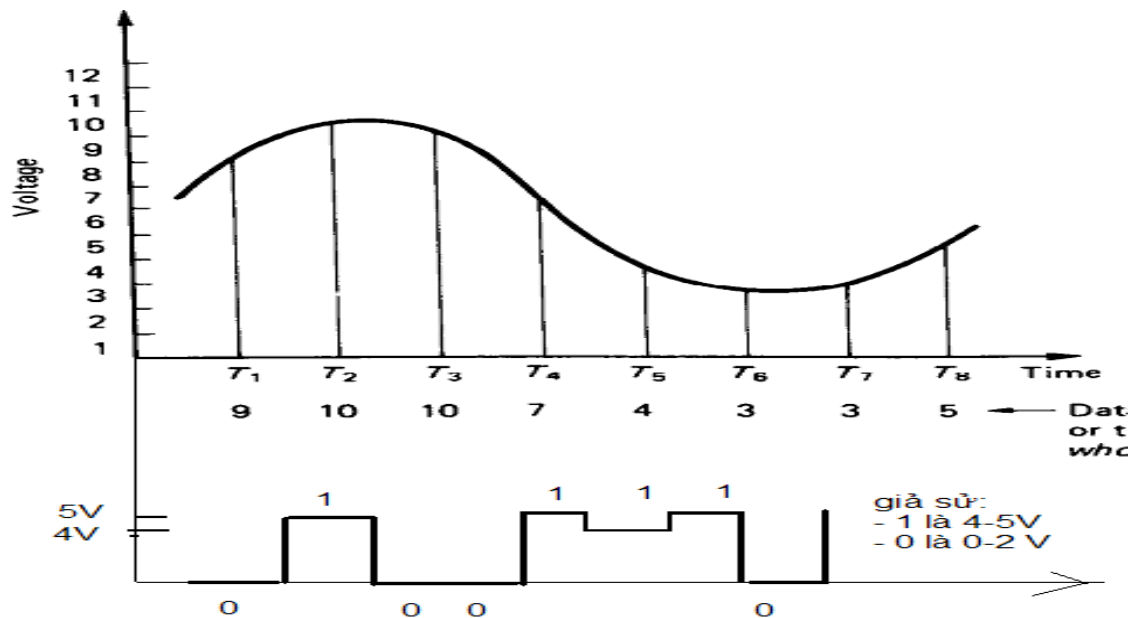
- ❑ Phải có tồn tại các điểm phục vụ Web, gọi là Web Server. Thì chúng ta mới có được những trang Web.

# Mạng Cơ Bản

## 3. Truyền dữ liệu trên mạng

### ➤ Truyền dữ liệu qua mạng

- ✓ Là phương tiện vật lý cho phép truyền tải tín hiệu giữa các thiết bị.
- ✓ Hai loại phương tiện truyền dẫn chính:
  - Hữu tuyến
  - Vô tuyến
- ✓ Hệ thống sử dụng hai loại tín hiệu:
  - Digital
  - Analog



# Mạng Cơ Bản

---

## Phương tiện truyền dẫn

- Chi phí
- Yêu cầu cài đặt
- Băng thông (bandwidth).
- Băng tần (baseband, broadband)
- Độ suy dần (attenuation).
- Nhiễu điện từ (Electromagnetic Interference - EMI)
- Nhiễu xuyên kênh (crosstalk)

# Các đặc tính của phương tiện truyền dẫn

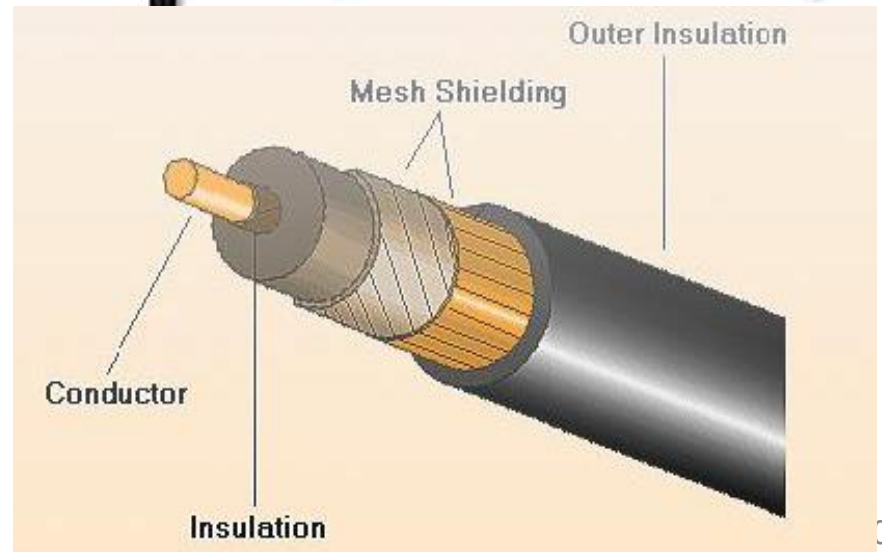
- Chi phí
- Yêu cầu cài đặt
- Băng thông (bandwidth).
- Băng tần (baseband, broadband)
- Độ suy dần (attenuation).
- Nhiễu điện từ (Electromagnetic Interference - EMI)
- Nhiễu xuyên kênh (crosstalk)

# Phương tiện truyền dẫn

- Cáp đồng trục
- Cáp xoắn đôi
- Cáp quang
- Wireless

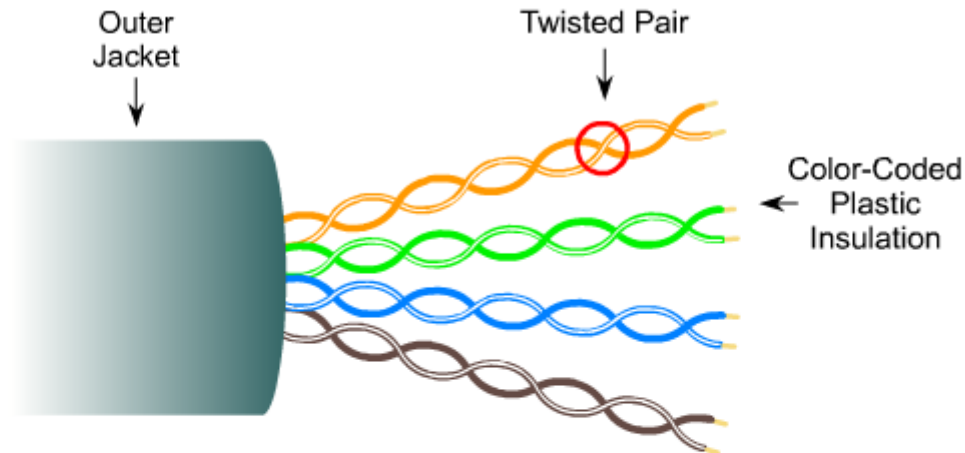
# Cáp đồng trục (coaxial)

- Cấu tạo
- Phân loại
  - Thinnet/Thicknet
  - Baseband/  
Broadband
- Thông số kỹ thuật
  - Chiều dài cáp
  - Tốc độ truyền
  - Nhiều
  - Lắp đặt/bảo trì
  - Giá thành
  - Kết nối



# Cáp xoắn đôi

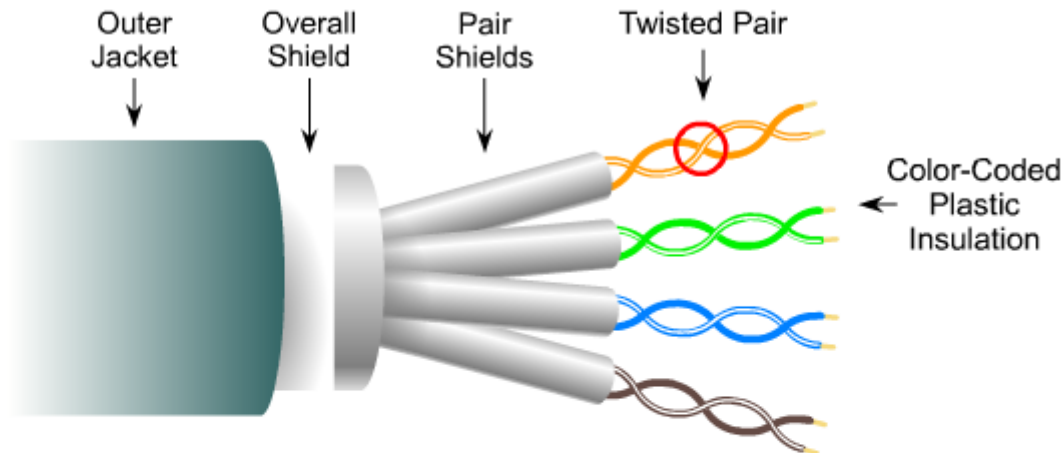
## Unshielded Twisted Pair (UTP) Cable



- Speed and throughput: 10 - 100 - 1000 Mbps (depending on the quality/category of cable)
- Average \$ per node: Least Expensive
- Media and connector size: Small
- Maximum cable length: 100m

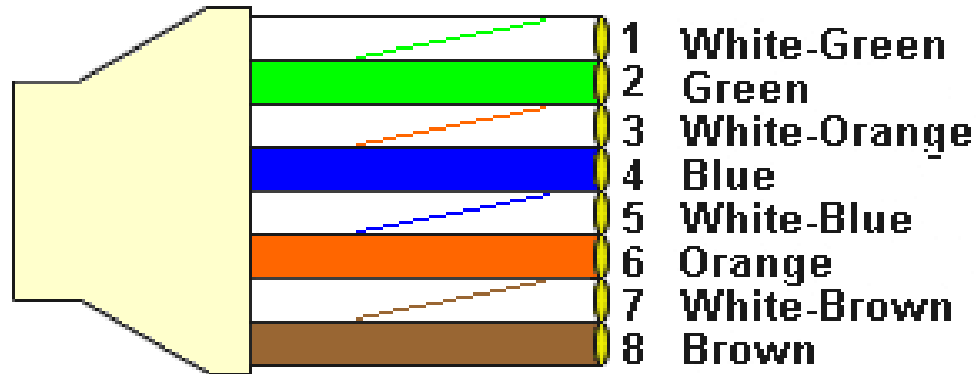
# Cáp xoắn đôi

## Shielded Twisted Pair (STP) Cable

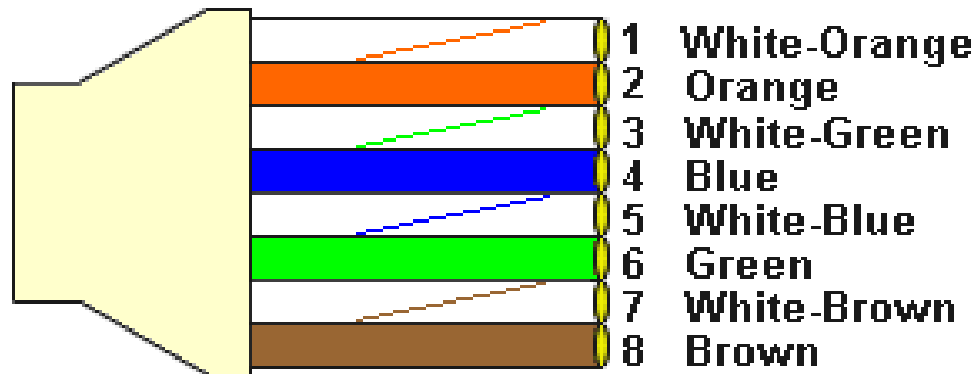


- Speed and throughput: 10 - 100 Mbps
- Average \$ per node: Moderately Expensive
- Media and connector size: Medium to Large
- Maximum cable length: 100m

# Chuẩn cáp 568A & 568B

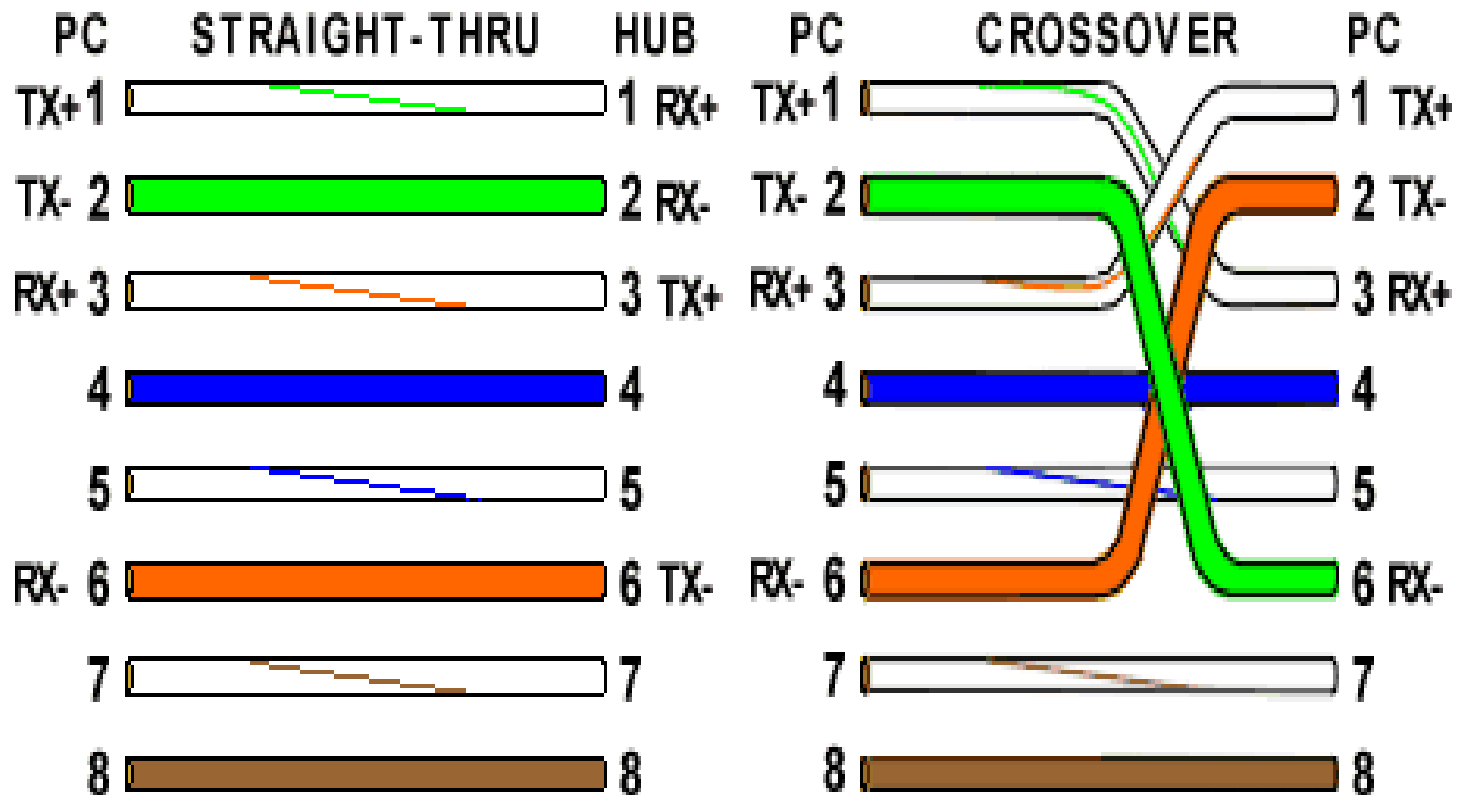


568A CABLE END



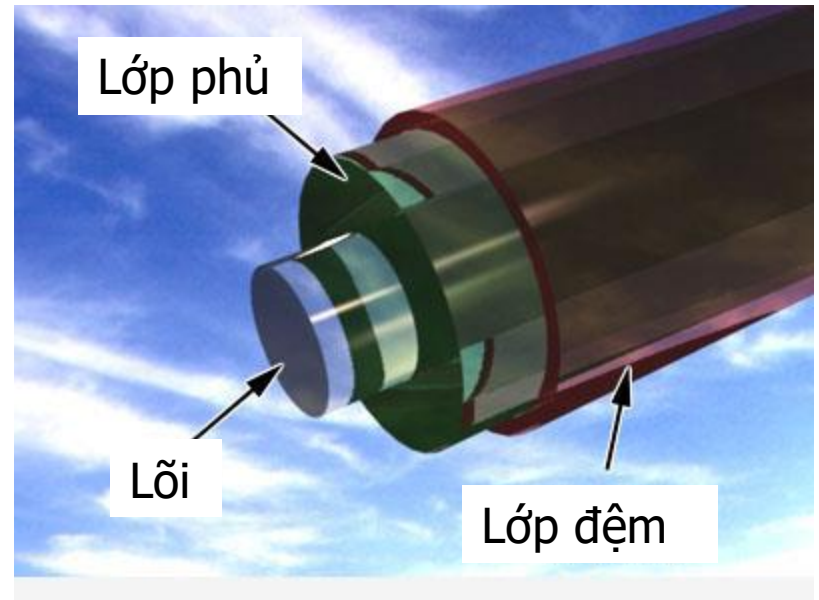
568B CABLE END

# Phương thức bấm Cáp



# Cáp quang (Fiber optic)

- Thành phần & cấu tạo
  - Dây dẫn
  - Nguồn sáng (LED, Laser)
  - Đầu phát hiện (Photodiode, photo transistor)
- Phân loại
  - Multimode stepped index
  - Multimode graded index
  - Single mode (mono mode)
- Thông số kỹ thuật
  - Chiều dài cáp
  - Tốc độ truyền
  - Nhiều
  - Lắp đặt/bảo trì
  - Giá thành
  - Kết nối

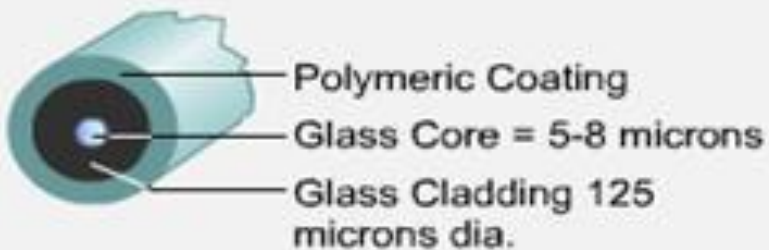


# Cáp quang (Fiber optic)

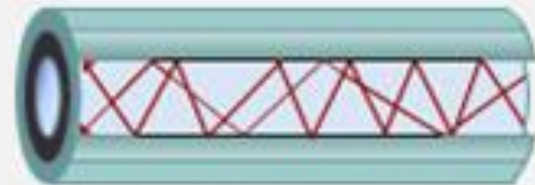
## Single-mode



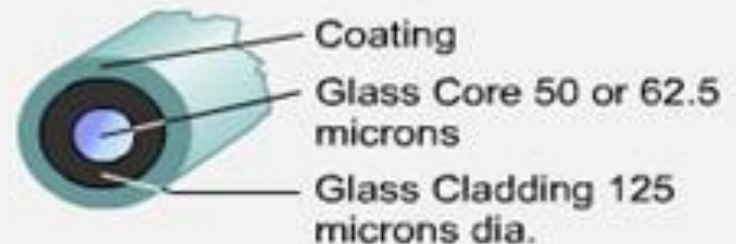
Requires very straight path



## Multimode



Multiple paths-sloppy



# Tốc độ và Thông số cơ bản

| Cáp          | Chiều dài cáp tối đa | Tốc độ truyền | Lắp đặt | Nhiều | Giá thành |
|--------------|----------------------|---------------|---------|-------|-----------|
| UTP          | 100 m                | 10-100 Mbps   | Dễ      | Cao   | Thấp nhất |
| STP          | 100 m                | 16-500 Mbps   | Khá dễ  | Thấp  | Vừa phải  |
| Thinnet      | 185 m                | 10 Mbps       | Dễ      | Thấp  | Thấp      |
| Thicknet     | 500 m                | 10 Mbps       | Khó     | Thấp  | Cao       |
| Fiber optics | 2000 m               | 2 Gbps        | Khó     | Không | Đắt       |

# Mạng Cơ Bản

## 4. Phương tiện truyền thông

**Phương tiện truyền thông** hay **phương tiện thông tin** (tiếng Anh: media) là việc vận dụng các khả năng của cơ thể, sử dụng những phương tiện có sẵn trong thiên nhiên, những công cụ nhân tạo để diễn tả và chuyển tải những thông tin, thông điệp từ bản thân đến người khác hay từ nơi này sang nơi khác.

Phương tiện truyền thông cũng được hiểu là những kênh truyền tải và lưu trữ hoặc công cụ được sử dụng để lưu và gửi thông tin hoặc dữ liệu, qua đó tin tức, giải trí, giáo dục, dữ liệu hoặc tin nhắn quảng cáo được phổ biến.

Phương tiện truyền thông bao gồm tất cả phát thanh truyền hình và phương tiện truyền thông hẹp vừa như báo, tạp chí, truyền hình, đài phát thanh, bảng quảng cáo, gửi thư trực tiếp, điện thoại, fax, và internet.

# Mạng Cơ Bản

## \* **Băng thông**

*Băng thông* thuật ngữ đôi khi xác định tốc độ bit rỗng " tốc độ bit cao nhất", 'tốc độ thông tin' hoặc lớp vật lý 'tốc độ bit hữu ích', dung lượng kênh hoặc thông lượng tối đa của đường truyền thông logic hoặc vật lý trong hệ thống truyền thông kỹ thuật số. Ví dụ, kiểm tra băng thông đo thông lượng tối đa của mạng máy tính. Tốc độ tối đa có thể được duy trì trên một liên kết bị giới hạn bởi dung lượng kênh Shannon-Hartley cho các hệ thống truyền thông này, phụ thuộc vào băng thông tính bằng hertz và nhiễu trên kênh.

# Mạng Cơ Bản

## \* Các phương tiện truyền dẫn

### Coaxial Cable

- Là cáp đồng trục gồm 1 lõi đồng ở giữa và bên ngoài là các lớp chống nhiễu và lớp bảo vệ
- Dây cáp đồng trục là loại dây cáp truyền dẫn dữ liệu, đặc trưng bởi 2 lớp dây dẫn được cách ly có chung một trục hình học.
- Thành phần cấu tạo của dây cáp đồng trục như sau:
  - + Lớp dây dẫn chính là lõi dẫn tín hiệu bằng dây đồng hoặc dây kim loại mạ đồng.
  - + Lớp dây dẫn còn lại là lớp lưới bọc bằng kim loại vừa là dây dẫn vừa có tác dụng nhằm ngăn chặn nhiễu điện từ (EMI) cho lõi dẫn tín hiệu trung tâm.
  - + Lớp điện môi không dẫn điện nhằm cách ly hai lớp dây dẫn.
  - + Vỏ bọc cách điện bên ngoài nhằm bảo vệ các lớp dây dẫn khỏi các tác động của môi trường bên ngoài.

# Mạng Cơ Bản

***Cáp đồng trục(Coaxial cable) được chia làm 2 loại:***

- *Thicknet*

- + Sử dụng cho mạng Backbone, WAN, chống nhiễu tương đối
- + Sử dụng cho tất cả các mạng truyền số liệu
- + Chiều dài tối đa : 500m, tốc độ truyền: 10 Mbps
- + Ethernet 10Base 5, Topology Bus.

- *Thinnet:*

- + Cáp Thinnet sử dụng cho mạng LAN trong tòa nhà
- + Tốc độ truyền 10 Mbps
- + Độ dài tối đa 185 m/segment
- + Terminator, đầu nối BNC, cỡ chữ T, Ethernet 10Base2, topology: Bus

▶ Dây cáp đồng trục có bộ tiêu chuẩn IEC 61196, bộ tiêu chuẩn

ANSI/SCTE gồm có : RG-56, 3C-2V, RG-59, RG-6....

▶ Sơ đồ đi dây trong tòa nhà

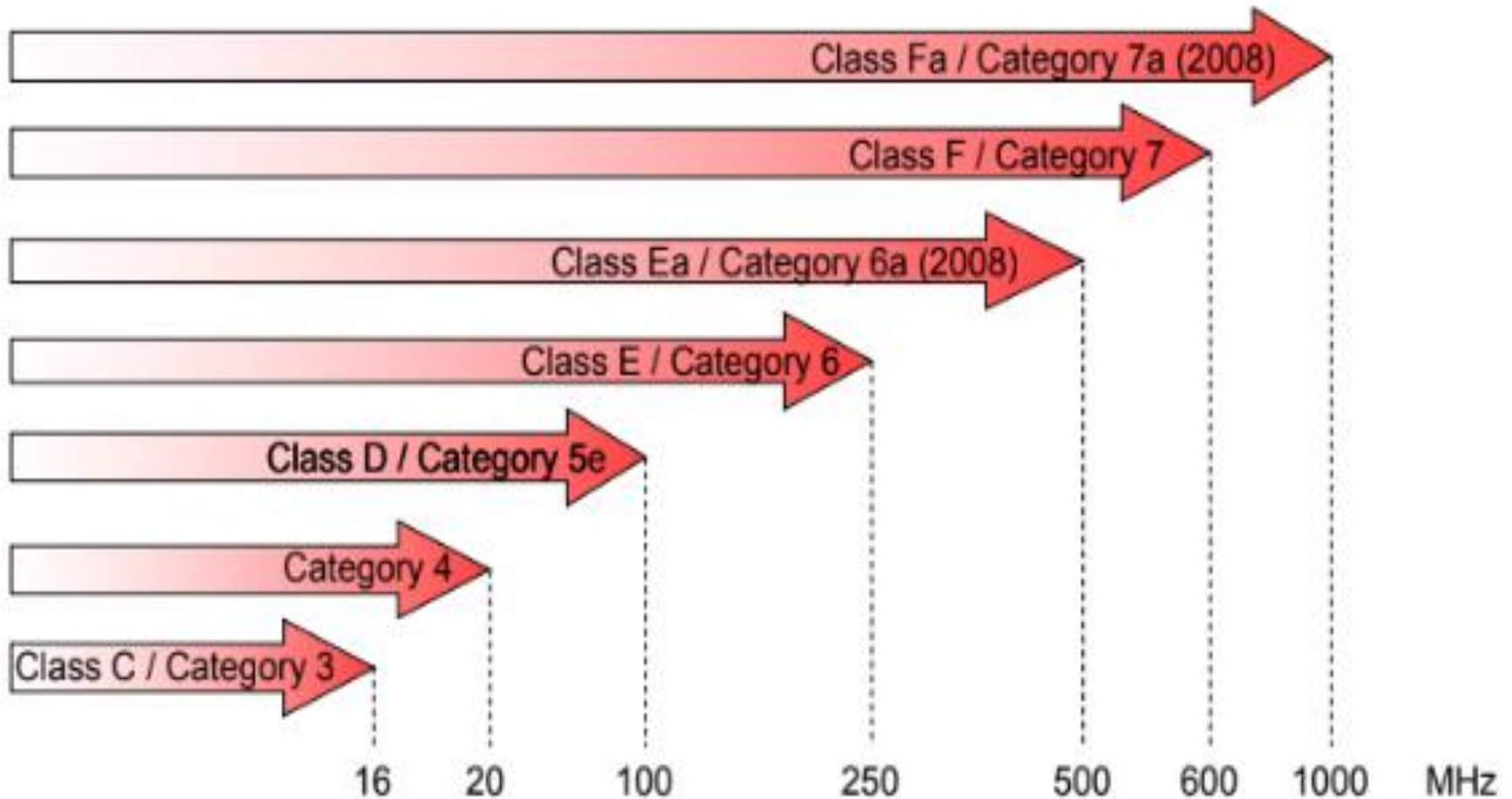
# Mạng Cơ Bản

## Twisted-Pair Cable (Cáp xoắn đôi)

- Là cable có từng cặp dây đồng xoắn vào nhau làm giảm nhiễu điện từ gây ra
  - ▶ Cáp xoắn đôi được chia làm 2 loại:
    - Shielded Twisted Pair (STP): Là loại cáp có lớp áo chống nhiễu, lớp bọc kim bên ngoài nhằm tránh nhiễu điện từ, khoảng cách tối đa là 100m, được sử dụng chủ yếu trong mô hình dạng Star, sử dụng đầu nối RJ45
    - Unshielded Twisted Pair (UTP) : Là loại cáp không có áo chống nhiễu, tương tự như loại STP nhưng kém hơn về khả năng chống nhiễu và độ suy hao do không bọc kim. Khoảng cách tối đa giữa 2 máy là 100m, được sử dụng chủ yếu trong mô hình Star, sử dụng đầu nối RJ45

# Mạng Cơ Bản

Các chuẩn của cáp xoắn đôi:



# Mạng Cơ Bản

Các chuẩn của cáp xoắn đôi:

| Category | Link / Channel | Bandwidth | When        | Applications                  | Bit Rates   |
|----------|----------------|-----------|-------------|-------------------------------|-------------|
| CAT 3    | Class C        | 16 MHz    | 1995        | Ethernet, 10BASE-T            | 10 Mbps     |
| CAT 4    | Class C        | 20 MHz    | 1995        | Token Ring                    | 16 Mbps     |
| CAT5     | Class D        | 100 MHz   | 1995        | Fast Ethernet, 100BASE-TX     | 100 Mbps    |
| CAT 5e   | Class D' 2002  | 100 MHz   | 1999 / 2002 | Gigabit Ethernet, 1000BASE-T  | 1,000 Mbps  |
| CAT 6    | Class E        | 250 MHz   | 2002        | Gigabit Ethernet, 1000BASE-TX | 1,000 Mbps  |
| CAT 7    | Class F        | 600 MHz   | 2002        | 10G Ethernet, 10GBASE-T       | 10,000 Mbps |
| CAT 6A   | Class EA       | 500 MHz   | 2008        | 10G Ethernet, 10GBASE-T       | 10,000 Mbps |
| CAT 7A   | Class FA       | 1200 MHz  | 2008        | Future 40G / 100G             | 40,000 Mbps |

# Mạng Cơ Bản

---

## Fiber Optics

- Cáp sợi quang (cáp quang) là cáp truyền dẫn tín hiệu quang, cáp quang truyền tốc độ khá lớn và khoảng cách xa.

# Mạng Cơ Bản

---

## \* Download, Upload

- Upload có nghĩa là tải lên và trong công nghệ lưu trữ, truyền tải dữ liệu chúng cũng có ý nghĩa tương tự như vậy. Điều này có nghĩa là Upload chỉ tốc độ tải lên của một tệp tin nào đó từ máy tính tới hệ thống mạng lưu trữ, truyền tải dữ liệu. Chúng ta thường gặp cụm từ Upload trong tốc độ mạng, đặc biệt là các gói cước của các nhà cung cấp mạng Internet tại Việt Nam. Các dịch vụ Internet tại Việt Nam thường quảng cáo gói mạng này có tốc độ Upload lên đến 45 MB/s, phù hợp với cái này cái kia,...

# Mạng Cơ Bản

---

## \* Download, Upload

Upload sử dụng chung đơn vị đo lường với băng thông (bandwidth) và chúng chủ yếu phổ biến với các đơn vị:

- MB/s – Megabyte/s
- Mb/s – Megabit/s
- KBps – Kilobytes/s
- Kbps – Kilobit/s

Trong một kế nối mạng, tốc độ Upload càng cao thì tốc độ bạn tải dữ liệu lên trên mạng càng nhanh và ngược lại. Một hệ thống mạng ổn định thì chúng phải cân bằng được tốc độ của Download và Upload.

# Mạng Cơ Bản

---

## \* Download, Upload

Download là cụm từ chúng ta thường gặp nhất trên mạng Internet và chúng có nghĩa là Tải về trong mọi trường hợp. Tuy nhiên khi nhắc đến tốc độ mạng hoặc hệ thống mạng thì Download có nghĩa là tốc độ tải dữ liệu từ trên mạng Internet về máy tính. Điều này có nghĩa là chúng phản ánh tốc độ tải dữ liệu về máy tính của các bạn bằng những con số cụ thể. Chúng ta không thể khoe với người khác là “Mạng nhà tôi có tốc độ Download nhanh lắm”, như vậy người khác sẽ không biết được chúng nhanh đến mức độ nào, đó chính là lý do tại sao phải cần các đơn vị đo lường cụ thể.

# Mạng Cơ Bản

---

## \* Download, Upload

Download sử dụng chung đơn vị đo lường với băng thông (bandwidth) và chúng chủ yếu phổ biến với các đơn vị:

MB/s – Megabyte/s

Mb/s – Megabit/s

KBps – Kilobytes/s

Kbps – Kilobit/s

Đa số các tác vụ chúng ta sử dụng cơ bản trên mạng Internet đều chiếm phần lớn là Download, đó cũng chính là lý do tại sao nhà sản xuất cung cấp dịch vụ thường để tốc độ Download cao hơn Upload một chút. Tốc độ Download càng cao thì bạn sẽ tìm kiếm, đọc được dữ liệu trên mạng Internet càng nhanh và ngược lại.

## 5. Các ứng dụng của ứng dụng CNTT–TT

- \* **Một số ứng dụng CNTT và UD trong kinh doanh**
  - Thương mại điện tử (E-Commerce hay E-Business)
  - Marketing trực tuyến và ứng dụng trong kinh doanh
- \* **Một số ứng dụng phổ biến để LL, TT**
  - Phần mềm bán hàng – tồn kho
  - Phần mềm kế toán
  - Phần mềm quản lý bán hàng DMS
  - Phần mềm quản lý phân phối
  - Phần mềm quản lý nhân sự – lương
  - Phần mềm quản lý sản xuất – MRP
  - Phần mềm hệ thống giao việc
  - Phần mềm quản trị tổng thể ERP.

## 6. ATLĐ và BV môi trường trong SD CNTT và Truyền thông

### An toàn lao động

- An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.
- Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.
- Nói cách khác an toàn lao động chính là giải pháp để không xảy ra tai nạn trong quá trình lao động. Còn vệ sinh lao động là giải pháp để giúp người lao động không bị các bệnh liên quan đến ngành nghề đang làm.

## 6. ATLĐ và BV môi trường trong SD CNTT và Truyền thông

### \* Bảo vệ môi trường

- Nhưng trong quá trình chất bán dẫn sản xuất sạch sẽ là không gian được sử dụng nhất mạnh mẽ và công nhân hóa chất đang mặc trang phục thở thân tóc, da, mồ hôi từ vi mạch để bảo vệ để bảo vệ người lao động từ hóa chất.
- Giải pháp bảo vệ môi trường cho Người lao động ngành công nghiệp bán dẫn so với người lao động đã là thảm họa chết người công nghiệp, công nghiệp nặng, một thực tế là không bao giờ không đáng kể.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

### \* Kiểm soát truy nhập, đảm bảo an toàn cho dữ liệu

#### Tên người dùng và mật khẩu:

Một người dùng (user) là một người sử dụng một máy tính hoặc các dịch vụ mạng. Một user thường có một tài khoản người dùng (user account) và được xác định vào hệ thống bằng một tên người dùng (username), các thuật ngữ khác là login name hoặc screenname.

Username là một tên được sử dụng để truy cập vào một hệ thống máy tính. Username, thường có mật khẩu (password), được yêu cầu trong hệ thống đa người dùng. Trong hầu hết các hệ thống, người dùng có thể chọn tên người dùng và mật khẩu của mình.

Mật khẩu (password): một mật khẩu là một tập hợp các ký tự hoặc các từ bí mật được sử dụng để truy cập vào một máy tính, trang web, hoặc dữ liệu, tài nguyên mạng. Passwords giúp đảm bảo các máy tính hoặc dữ liệu chỉ có thể được truy cập bởi những người đã được cấp quyền để xem hoặc truy cập nó.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

### \* Đề phòng khi giao dịch trực tuyến

- Giao dịch trực tuyến nhanh nhưng chứa các nguy cơ tiềm ẩn, sau đây là các biện pháp an ninh đơn giản và biện pháp phòng ngừa hợp lý mà khách hàng nên áp dụng khi giao dịch trên nền tảng điện tử.
- Mật khẩu mặc định được cung cấp bởi các nhà môi giới nên được thay đổi trước giao dịch.
- Đảm bảo mật khẩu không được chia sẻ với những người khác. Thay đổi mật khẩu theo định kỳ
- Các nhà đầu tư cần phải có kiến thức đầy đủ về cách sử dụng các phần mềm trước khi bắt đầu giao dịch.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

---

- Nên tránh đặt đơn đặt hàng từ các máy tính chia sẻ như quán cà phê Internet
- Đừng quên đăng xuất sau khi giao dịch xong
- Đảm bảo rằng không bấm vào tùy chọn nhớ tôi (remember me) khi đăng ký từ vị trí không thường xuyên.
- Tránh tiết lộ thông tin bí mật. Vì thông tin bạn tiết lộ, bọn tội phạm sẽ được truy cập vào tài khoản của bạn.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

### \* Phần mềm độc hại (malware)

- Virus lây nhiễm các tệp khác, chúng là phần mềm độc hại duy nhất lây nhiễm các tệp khác và do đó, rất khó để dọn sạch chúng.
- Worm là phần mềm độc hại có khả năng tự sao chép và lây lan mà không có hành động của người dùng cuối, gây ra sự tàn phá thực sự.
- Trojans, nhắc nhở bạn về những gì đã xảy ra trong cuộc chiến thành Trojan, giả trang thành các chương trình hợp pháp.
- Ransomware, như tên cho thấy, đòi tiền chuộc từ bạn để đưa mọi thứ trở lại như cũ.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

### \* Phần mềm độc hại (malware)

- Phần mềm quảng cáo (Adware) không là gì ngoài việc cố gắng đưa người dùng đến quảng cáo độc hại không mong muốn. Những quảng cáo này rất có thể sẽ lây nhiễm cho một thiết bị người dùng.
- Spyware phần mềm gián điệp, như tên cho thấy, giúp tin tặc theo dõi các hệ thống và người dùng
- Fileless malware là phần mềm độc hại truyền thống di chuyển và lây nhiễm các hệ thống bằng hệ thống tệp, phần mềm độc hại không có tệp sẽ di chuyển và lây nhiễm mà không trực tiếp sử dụng tệp hoặc hệ thống tệp.
- The hybrid attack khá nguy hiểm và tàn phá.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

**\* Đây là một số điều cơ bản có thể giúp ngăn ngừa nhiễm phần mềm độc hại, ở một mức độ lớn:**

- Cập nhật hệ điều hành, trình duyệt, plugin, vv thường xuyên.
- Sử dụng tất cả các công cụ bảo mật cần thiết.
- Cập nhật tất cả phần mềm thường xuyên.
- Cảnh giác với các cuộc tấn công kỹ thuật xã hội (engineering attacks), cảnh giác với các email lừa đảo.

## 7. Các vấn đề an toàn thông tin

**\* Đây là một số điều cơ bản có thể giúp ngăn ngừa nhiễm phần mềm độc hại, ở một mức độ lớn:**

- Không bao giờ nhấp vào liên kết hoặc tải xuống tệp đính kèm nghi ngờ đến từ các nguồn không xác định.
- Thực hành duyệt web an toàn.
- Có mật khẩu mạnh, thay đổi mật khẩu định kỳ.
- Không sử dụng các kết nối công cộng không được mã hóa.
- Lớp bảo mật của bạn bắt đầu với các [giải pháp an ninh mạng](#) cơ bản như tường lửa và chống virus.

## 8. Một số vấn đề CB đến pháp luật SD CNTT

### \* Bản quyền/Sở hữu trí tuệ

Bản quyền là một thuật ngữ pháp lý mô tả quyền lợi kinh tế của người sáng tác ra các tác phẩm văn học và nghệ thuật, trong đó bao gồm quyền tái bản, in ấn và trình diễn hay trưng bày tác phẩm của mình trước công chúng.

Bản quyền chủ yếu nhằm bảo vệ âm nhạc, phim ảnh, tiểu thuyết, thơ ca, kiến trúc và các tác phẩm nghệ thuật có giá trị văn hóa khác. Khi nghệ sỹ và người sáng tác đưa ra những hình thức thể hiện khác thì những loại hình thể hiện mới này cũng được bao gồm trong những công trình được bảo hộ bản quyền. Các chương trình máy tính và ghi âm giờ đây cũng được bảo vệ.

## 8. Một số vấn đề CB đến pháp luật SD CNTT

### \* Bản quyền/Sở hữu trí tuệ

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.
- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 3/5/2007 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin.
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
- Nghị định số 63/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

## 8. Một số vấn đề CB đến pháp luật SD CNTT

### \* Bảo vệ dữ liệu

**Bảo vệ dữ liệu cá nhân** khởi đầu dùng để chỉ việc bảo vệ dữ liệu có liên quan đến cá nhân trước sự lạm dụng.

Ngày nay mục đích của việc bảo vệ dữ liệu được xem là để bảo vệ từng cá nhân không bị thiệt thòi trong quyền tự quyết định về thông tin của chính mình thông qua việc sử dụng dữ liệu liên quan đến cá nhân của họ. Bảo vệ dữ liệu cá nhân ủng hộ ý tưởng là về nguyên tắc mỗi người đều có thể tự quyết định là người nào, khi nào và dữ liệu cá nhân nào của mình được phép cho người khác xem.

## 8. Một số vấn đề CB đến pháp luật SD CNTT

---

### \* Bảo vệ dữ liệu

Bảo vệ dữ liệu cá nhân là quyền riêng tư và được pháp luật bảo vệ; bảo vệ dữ liệu cá nhân được thể hiện qua nhiều khía cạnh, như: bảo đảm quyền tự chủ, quyền riêng tư và bảo toàn được danh dự, uy tín của mỗi cá nhân.

Theo tìm hiểu của phóng viên Pháp lý, ở Việt Nam hiện nay vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân được quy định rải rác trong các văn bản quy phạm pháp luật với mức độ khác nhau ở Hiến pháp, Luật, Nghị định và Thông tư.

# Câu hỏi ôn tập

1. Làm thế nào bạn có thể mở Control Panel?

- a. Từ thực đơn Start
- b. Từ công cụ quản lý tập tin
- c. Bằng cách nhấn Windows + C.
- d. Tất cả các lựa chọn trên
- e. Chỉ a hoặc b

2. Nếu bạn không thể sử dụng một số lệnh nhất định trong Control Panel, nguyên nhân khả dĩ nhất là gì?

- a. Bạn không có quyền sử dụng các lệnh này.
- b. Bạn đã chọn sai lệnh.
- c. Phiên bản Windows của bạn không bao gồm tính năng Control Panel.
- d. Tất cả các lựa chọn trên

# Câu hỏi ôn tập

3. Điều gì quyết định các thiết lập ngày giờ trên một máy tính không được kết nối mạng?

- a. Cài đặt trong bộ nhớ RAM .
- b. Một đồng hồ hoạt động bằng pin bên trong máy tính .
- c. Máy chủ mạng.
- d. Một máy chủ thời gian trên Internet .

4. Lý do tại sao bạn muốn thay đổi định dạng ngày trên máy tính của bạn?

- a. Tuân thủ các tiêu chuẩn công ty
- b. Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia
- c. Cho phù hợp với sở thích cá nhân của bạn
- d. Tất cả các ý trên

# Câu hỏi ôn tập

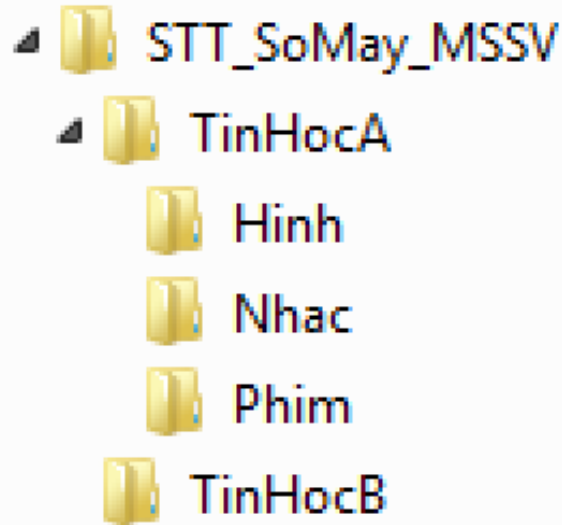
5. Tùy chọn nào sau đây có thể được truy cập thông qua Ease of Access Center?
- a. Magnifier
  - b. User Account Control
  - c. Date and Time settings
  - d. Power options
6. Khi nào bạn có thể thiết lập nguồn để ở chế độ Standby?
- a. Khi bạn cần phải mang máy tính xách tay đến vị trí khác .
  - b. Khi bạn đang chờ đợi để kết nối với mạng .
  - c. Khi bạn đi tham dự một cuộc họp mà sau đó bạn muốn tiếp tục làm việc với những gì bạn đang làm trước đó .
  - d. Khi bạn muốn bảo tồn năng lượng và hệ thống máy tính của bạn không được cắm vào nguồn

# Câu hỏi ôn tập

7. Group policy (chính sách nhóm) đề cập đến điều gì?
  - a. ID đăng nhập và mật khẩu bạn cần phải kết nối vào mạng .
  - b. Nhóm bạn đã được gán bởi người quản trị mạng.
  - c. Thiết lập các quy tắc chỉ cho văn phòng hoặc bộ phận của bạn .
  - d. Một tính năng mà người quản trị mạng có thể sử dụng để kiểm soát môi trường làm việc của người dùng và các tài khoản máy tính.
8. Loại tài khoản nào cho phép bạn tạo thêm các tài khoản người dùng?
  - a. Administrator
  - b. Guest
  - c. Standard User
  - d. Chỉ a và c

# Bài tập Windows 1

1. Tạo cây thư mục trong ổ đĩa E:\ như sau:

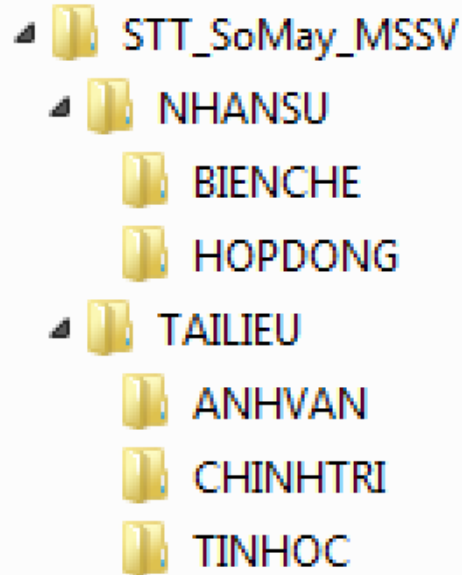


2. Tìm 5 file \*.jpg có dung lượng <100KB và chép vào thư mục Hinh. Sau đó đổi tên 5 file \*.jpg trong thư mục Hinh thành hinh1.jpg, hinh2.jpg, hinh3.jpg, hinh4.jpg, hinh5.jpg

3. Trong Notepad, tạo tập tin với tên traloi.txt và lưu trong thư mục TinHocA. Có nội dung là trả lời cho câu hỏi: Hãy kể ra 3 trình duyệt web mà em biết?

# Bài tập Windows 2

1. Tạo cây thư mục trong ổ đĩa E:\ như sau:

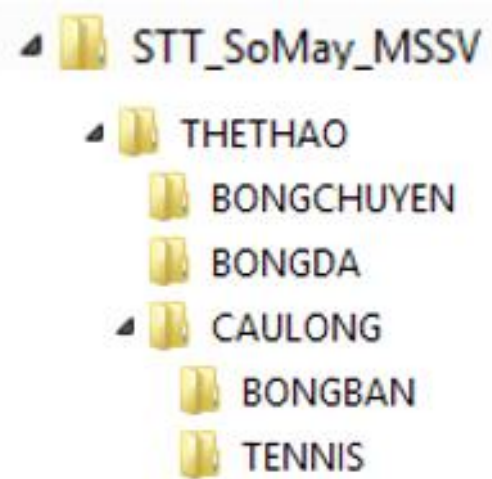


2. Tìm 5 file \*.txt có dung lượng <10KB và chép vào thư mục TINHOC. Sau đó đổi tên 5 file \*.txt trong thư mục TINHOC thành dulieu1.txt, dulieu2.txt, dulieu3.txt, dulieu4.jpg, dulieu5.txt

3. Trong Notepad, tạo tập tin với tên traloi.txt và lưu trong thư mục TINHOC. Có nội dung là trả lời cho câu hỏi: Microsoft Word 2010 là phần cứng hay phần mềm?

# Bài tập Windows 3

1. Em hãy tạo cây thư mục lưu bài trong ổ đĩa E:\



2. Tìm 3 file \*.INI và chép vào thư mục BONGDA.

3. Đổi tên các file hình trong thư mục BONGDA thành “File 1.INI”, “File 2.INI”, “File 3.INI”

4. Tạo tập tin “Chao ngay moi.txt” trong thư mục TENNIS mới tạo và nhập 4 câu thơ sau:

“Chào ngày mới khắp trời náo nức

Đưa nụ cười lại thức trên môi

Ngày mới chúc hết bạn tôi

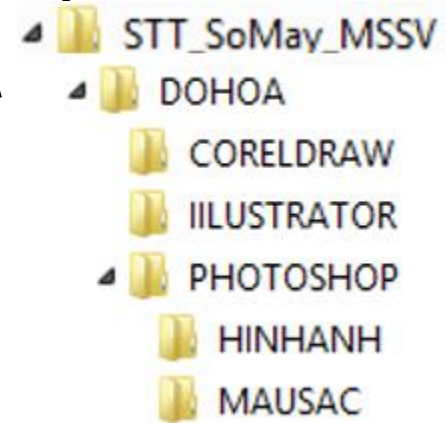
Một ngày hạnh phúc sánh đôi an lành”

5. Tìm 2 tập tin có phần mở rộng là .JPG chép vào thư mục TENNIS

6. Nén 2 tập tin có trong thư mục TENNIS

# Bài tập Windows 4

1. Em hãy tạo cây thư mục lưu bài trong ổ đĩa E:\



2. Tìm 3 file \*.jpg và chép vào thư mục **PHOTOSHOP**.

3. Đổi tên các file hình trong thư mục **PHOTOSHOP** thành “Picture 1.jpg”, “Picture 2.jpg”, “Picture 3.jpg”

4. Tạo tập tin “TAP THE DUC.txt” trong thư mục **CORELDRAW** mới tạo và nhập các câu thơ sau:

“Cứ mỗi buổi sáng mai  
Bé dậy tập thể dục  
Chú cún con lục đục  
Lao xuống bếp gọi mèo  
Chúng ta khẩn trương nào  
Ra sân cùng chị tập”

5. Tìm 2 tập tin có dung lượng nhỏ hơn 50KB chép vào thư mục **CORELDRAW**

6. Nén 2 tập tin có trong thư mục **CORELDRAW**